

QUẢNG LỤC CỦA THIỀN SƯ HOÀNG TRÍ

QUYỂN 9

Chân tinh tấn mà lia vọng, pháp cúng dường dùng không lỗi, diệu trang nghiêm dùng theo duyên, tuệ phương tiện mà chẳng buộc, tánh không Tỳ-lô mà trí thân rõ ràng, chân lông Phổ Hiền mà pháp giới lớp lớp, ngưỡng đó cao, khoan đó chắc, nhuộm chẳng thâm, mài chẳng mỏng, san hô biển cả hồ đêm uống ánh sáng đó, chiêm-bạc tông lâm xuân luật rửa sắc lạnh đó, ngang vật bướm bay ở mộng, cắt dòng quạ đến nơi thê, tứ minh lung linh chùa núi. Buộc phen ở núi ba mươi năm, chúng nhóm ăn nhờ, đích thân ra trì bát, nhưng thừa hóa sĩ, theo khát để cúng, tả huyễn nghi phải lời xấu, tùy xứ thấy người được nói quyền, tăng biên muốn khắc, nhà xấu chớ bày, vả lại phạm biết đó là ngu, nói đó là mất, tổ chứng minh đó thân đến, Phật chỉ dạy đó sợ mê, mặt xoay vách liền đèn, tâm không phát sáng, thân đạo sâu đó, linh linh tự chiếu mà thể hư, đạo được toàn đó, miên miên còn mà dụng tế, lỗ mũi xe chở chẳng nổi, đầu lưỡi kèm gắp chẳng bày, ý tổ cùng mà thông, Phật sự sáng mà đủ, kiếm múa không mà dọc ngang không trở ngại, châu nhận ảnh mà cùng theo đến nhà, chim mây không rõ, gió linh tự ngân, lời cửa trùng thu, văn cửa một gỗ, tương truyền Phật tuyển khí đồng, hưởng đạo tông chỉ nói phân nửa, Tỳ-kheo (Sư Nghiễm) xin vì đó dẫn.

Ngày an cư mùa Hạ năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bảy (1157 thời Nam Tống) Chánh Giác ghi.

Các bài tán thán chân dung của Hòa thượng Hoàng Giác ở Thiên Đồng tại Minh châu (Thị giả Sư Nghiễm biên).

Thiên đồng (Hoàng Giác) khát thực đến Hoàng Nham, thượng nhân Dụng Tường họa vẽ tượng sáu đời tổ sư, để tán thán mà gửi gắm, phạm sở dĩ làm tổ là, rõ ngay đầu việc thứ nhất, nhân duyên kiến lập, đều phần cháu con. Tổ chẳng nói ư? Chẳng cùng phạm Thánh đồng giã xéo, vượt hẳn gọi đó là Tổ, chi nhiều phái xa ứng hóa cơ dụng, khéo được cội nguồn, tự nhiên tùy thuận, đó chẳng nói có thể dụ, nay tùy hỷ cú đầu tán thán rằng.

Sư tổ Thiên sư Đạt-ma.

Tây trao chẳng rõ, Đông hành cùng xét, Đại thừa khí xa, Thiếu Lâm Xuân sớm, chín năm mặt vách, cầu người mà gấp, ba lạy tủy truyền, được nổi mà hiền, hoa lau trắng sáng thuyền đêm chuyển, nước xa trời thấp sắc Thu liền.

Tổ thứ hai Thiên sư Đại tổ.

Đứng tuyết ngang rốn, chặt tay cầu pháp, có chí quên ở thân, không tâm hợp ở mình, rành rành thường biết, biết đó kín nhiệm, diệu chẳng mượn miệng, đích tự truyền y, toàn công nhờ thời tiết của cha, nhóm chuyển hư không hết chỗ nương.

Tổ thứ ba Thiên sư Giám Trí.

Đạo không chọn lựa, tông chẳng kéo bắt, sống chết ngoài dính, trong sạch gia truyền, tìm tội tánh không, rỗng rang đại đồng, diệu hết mất năng cảnh, cơ xoay chẳng mượn công, rỗng sáng tự chiếu chẳng tâm thức, biển trắng linh tê đêm phách thông.

Tổ thứ tư Thiên sư Đại Y.

Trao y khuất hung, cầm ấn Tỳ-lô, sư ngồi Tây sơn, danh truyền Đông chấn, phấn của ong mặc chừ đượm của mật Xuân, châu của ruốt trai chừ mang của cốc đêm, khí xa trình lành, cảnh linh phát nương tựa, ngư đầu tiếp được cư sĩ Dung, chim hoa chẳng lại bận ngoài am.

Tổ thứ năm Thiên sư Đại Mãn.

Con của tỳ nữ, dòng dõi hai núi, truyền y đời xứng ở tuổi diệu, trồng tùng ta then với rụng rặng, trước sau hai thân, xưa nay một tâm, loan lẻ gió múa gương lưu ly, kinh lớn trắng lộng rừng san hô, bát bồn người kiệt liêu sắp nói, mấy đêm Xuân phường không tiếng cối.

Tổ thứ sáu Thiên sư Đại Giám.

Tiêu phu Quảng Nam, Hành giả Hoài Tây, ngọc sáng lẫn mâm vàng rờng ra đúc, thấu ảnh tượng chừ Thánh phạm không được đồng trần, tiếp ánh sáng chừ, gia thế tự nhiên chẳng đêm, muôn sao phò đầu lên cao, trăm sông về biển xuống thấp, bỏ bát đáy mà trốn, đất không nổi mà khẩn gọi, chẳng phải lay của phượng gió, bày tình vượt của tức vật, lá rụng về cội chừ đến thời không miệng, trăm ngàn tam-muội chừ chín trâu một lông.

Lão sư Thiên Đồng trước lúc chưa hạ bút, lỗ mũi Tổ sư một lúc xỏ tức xong vậy, việc chẳng được thôi, lại rút ra ngữ thoại này, ngay mặt chỉ thẳng, khiến người đọc tán thán này không còn tán thán khác, ngay lời biết về tức tự tán thán vậy, thấy Tổ ấy không Tổ khác, có thể trong đó thâm hợp tức tự Tổ vậy. Phạm như vậy thì chính là mắt mà y

của Phật Tổ mà phong thái chẳng bày, năm lá một hoa tùy xứ sắc Xuân, reo gọi đêm ngày, ai chẳng cùng Tổ sư đồng dậy đồng ngồi đồng hiện đồng ẩn ư? Ngưỡng Sơn nói: Chẳng nói thấy, chỉ là chẳng riêng, (lời bạt của Chân Yết Thanh Liễu). Thiên sư Thiên Đồng ở Minh châu làm tán tán tượng họa sáu đời Tổ sư, ý chân lời diệu, vượt Phật vượt Tổ, bậc mắt sáng khoảng bút mực tự nhiên có lỗ hồng, chẳng phải học của văn tự chương cú thế gian, sở năng phản phát vậy. Ngày thường rất phong phú, hận chưa tận thấy đó vậy, hậu học đọc bài tán tán này mới biết Đại thiện tri thức ngụ diệu ý ở bản đây, có thể quên ư?

Ngày mồng mười tháng ba năm Quý Hợi (1143) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163 thời Nam Tống) Lão Thiên Sĩ Khuê viết.

Trưởng lão Tông ở Tuyết Đậu tả tượng sư, đem trao Tri Sự Thiên Đồng treo ở vách khám, xin lời ghi trên đó.

Diệu tạng tuyệt gân, rốt ráo không thân vậy, lý chân của thanh hư, u linh riêng thân, khoảnh khắc trở sắc vậy, trí thân của tự chiếu mây lạnh có ý tuyết, trời xa liền bến Thu, duyên khởi Phật chủng, giác sinh huyền trần, nói nhỏ lời êm, vận của phụng con Đan sơn, mắt sâu mây điệp, má của sư tử rừng đàn, mượn vị khách chủ giữa đường, mượn công vua tôi trong cửa, nước động ngược dòng, trông mây hang núi nửa chịu, rượu nghiêng ngã Tào Sơn, biết hết thuế chưa đủ bản, gỗ cong đầu sà nắm đuôi trần (bụi), tâm truyền một câu trao người đó.

Trưởng lão Ngô ở Đại Ninh tả tượng Sư xin lời.

Trông mắt sống, đầu lâu khô, diệu tại ly vi chuyển xứ trông, cá ẩn dưới nước mà sẹ Thu càng biếc, hạc nằm từng mà mộng trắng còn lạnh, thân của ứng hô ở cốc, châu tùy sắc lẫn mâm ảnh hưởng dính mà y ai được dụng, đẻo bùn thừa đất lỗ không tràn.

Trưởng lão Huy ở Vạn Thọ tả tượng Sư xin lời tán.

Không mà không vết, miên miên thể đó như còn, cao mà chẳng đàn, vừa vừa dùng đó chẳng siêng, ánh sáng phá trắng đêm lạnh nhạt, mây ra núi không được mà được, chẳng nghe mà nghe, truyền của Thiếu Lâm lắng lặng, cười của Linh Sơn vui vui, rông sấm cùng tiền cá đốt đuôi, báo mây mù chợt khoác đường vắn rõ ràng của cọp, cùng vật bay bay chừ, mộng trôi tự theo hồ điệp đi, mắt cơ mệnh mang chừ thanh nhàn lại cùng cò trắng phân.

Trưởng lão Tụy ở Bảo Phước tả tượng Sư xin tán.

Trẻ ăn táo mà răng vàng, già no muối mà bấu mắt, thổ phần trắng phách vào tê giác, ong hút hoa đượm về phòng mật, nguồn sâu dòng dài, thể rõ dụng sáng, vội vội rành rành, hừng hực sáng láng, triện

đàn hương tiêu im không nói, dây quạ cùng bạn dựa giường dây.

Trưởng Lão Vinh ở Thanh Đàm tả Sư tượng cầu tán.

Nhà non nước chừ lặng quên xứ sở, bạn cá chim chừ động quên người, thăm thăm có được ai truyền, tông của đích đích tự cử, chén bằng Xuân chưa về mà vết dơ không ít, rừng ngọc trăng đã lên mà rất sáng trong. Lắng còn cái tông thừa đây, chịu hoại trai gái nhà người, bát của Hoàng Mai cười trộm đêm, y của Thiếu thất nghi cùng buông tuồng, vuông suốt quả đất, tròn cùng bầu trời, thần phát sâu mà hang rỗng ứng gọi, tiếng ra ngại mà chuông sương chợt đánh.

Trưởng lão Cung ở Quang Hiếu tả tượng Sư cầu tán.

Hỏi thân chẳng thân, truyền thì chẳng chân, lặng thành tánh đó, không chiếu mà thần, lắng còn mà không tượng, u linh mà tuyệt gần. Lò khuôn đỏ mà đúc vật đó, thổi gió mây mà tạo Xuân đó, kiến lập các huyện, phát minh rất thuần, khoa búa dao bén của tay thợ, bỏ bụi mũi thẳng của ruồi bùn. Đẻo đó có tin, nhận đó khó người, từng nghiêng lệch chừ riêng đờ xa nơi tuyết thử, đá của dao động chừ mấy phá nát ở sấm sấm.

Trưởng lão Dực ở Năng Nhân tả tượng Sư cầu tán.

Câu dành cước thân, vết ở núi bầy, im có thừa vị, nói lại mất chân, vàng phát vang mà không ngại, ngọc đẻo văn đo mất thuần, khí vũ trong ngực, tinh thần dưới mây, hổ sinh ba ngày ăn hơi trâu, biển rộng muôn dặm nuốt thuyền xếp hàng. Tánh được toàn kéo mũi, tâm truyền chẳng treo môi. Gia đình trong sạch chừ riêng lập bậc lưng ngang, có cục gai hồng chừ thường quán người kha lạ.

Trưởng lão Tuệ ở Nam Minh tả tượng Sư cầu tán.

Tóc bạc chừ núi xanh tuyết lạnh, mắt lạnh chừ nước xa Thu về, cơ tự chuyển chừ đầu đêm có chuôi, khí tự trong chừ, tinh hà không sóng, hang ứng tiếng mà mất tượng, ngọc nhận sắc mà chẳng se, bể cả sóng vỗ chừ bằng mà lặng, bầu trời mây cuộn chừ rỗng mà thoáng, muôn hóa khởi diệt chừ thăm thấy mối đó.

Trưởng lão Tiệm ở Tổ Ấn tả tượng Sư cầu tán.

Nhìn lỗ ai truyền, thân tâm tự nhiên, soi ngậm muôn tượng biển nuốt trăm sông, máy gấm động mà tơ màu qua, chỉ ngọc xâu mà kim vàng liền, nói pháp nương miệng, nạt người tay không, bình đẳng chớ đời chừ mặc cho hạc dài mà kiêu ngắn, tung hoành theo biển chừ hào khôn dứt mà càn liền.

Trưởng lão Chiêu ở Tịnh Cư tả tượng Sư cầu tán.

Chân thừa không cửa chừ Phật Phật đạo đồng, quay mặt vào vách

có câu chừ tổ tổ tâm không, lắng ở phương ngoài trí vào trong vòng, mượn công rõ tịch mặt, mượn bạn vào nơm lồng, mười phương bao quanh, ba đời lẫn lộn, côi côi bụi bụi đều nói pháp. Thấy nghe kéo nhau tự tương thông.

Trưởng lão Chiếu ở Báo Nguyên tả tượng Sư cầu tán.

Nước Thu mà trong, trăng lạnh mà sáng, muôn cơ ngừng bỏ, ba khoảng đều bình, trần tiêu chẳng đến pháp thân ở, huyễn khởi lại từ miệng Phật sinh, che của trời cao, đỡ của đất rộng, chừ tổ cùng đó đồng đạo. Các loài cùng đó đồng hành, lông rùa phẩy mà nắm dọc, sừng hổ chống mà quỳ ngang. Lại không một vật mượn lại, vẫy tay tăng quyết làm chứng thành.

Trưởng lão Nhân ở Năng Nhân tả tượng Sư cầu tán.

Tánh gương sáng lớn, tâm trí bình đẳng, thọ già nằm lạnh chừ trong rõ ràng hang của trăng sáng, kinh lớn lồng biển chừ sáng sáng rừng của san hô, ngàn dặm tuyết bay sóng xa tít, trăm sông triều vọt nước sâu vời, bằng đánh côn lột xác, tử hòa hạc kêu râm, tùy ứng về đạo mũi nhọn, cùng gặp có thưởng âm.

Thủ tòa Huệ tả tượng Sư cầu tán.

Nghi dung chợt suy, gắng gỏi kém lưỡi, lung linh chùa núi,, yếu điệu từng mây, đẹp lạnh cúc chiều thu, vang trong chuông sừng sớm. Côi côi bụi bụi tam-muội, tri âm xứ nào chẳng gặp nhau.

Giám tự Chương tả tượng Sư cầu tán.

Mờ mờ mịt mịt, nhận lạnh ảnh mất Thu xa khói xanh, vắng lặng tỏ rõ, tầm già kén thành mà gió cao lá rụng, thiên cơ lúc lắng sống, đạo xoay xứ rỗng linh, bể đó chứa núi đó trấn, trời đó mạnh đất đó yên, biển chuyển, bằng đánh, khí vũ bốc ra mà nuốt thuyền cá thoát, sương khoác báo biển văn chương rục rở mà thổi gió hổ mạnh, đèn của Thiếu Lâm chưa nổi chừ lưng người Lạc Dương ngang sân tuyết, y của Hoàng Mai muốn truyền chừ, bước tổ thợ săn đời cối chày, vật chẳng đáng tình mà chân mau, vẫy xếp hoặc đốt đuôi chừ điện lửa hơi tanh, các trần ảnh hưởng cao vót, tam-muội du hý nơi ngấm nghe, què chân thiếu tay hành đó tự tin, há miệng hòa hòa lời đó chẳng nghe, gia pháp lạnh nhạt con cháu yên vui, tâm tuổi già mà từng bách thử tuyết, sắc trong trắng chừ sông Hán ngâm sao, hạc kêu râm gầy mà thợ, rùa ở sen nhỏ mà già, cuộc cờ chưa tan, cháy búa gã tiều.

Tham đầu Trí Thư cùng các Hành giả tả tượng Sư cầu tán.

Lưng dài răng nghề da gà tóc hạc, Tây Bắc xuất gia, Đông Nam hành cước, chọn Phật đến không giác giác không, vì người trừ thuốc

bệnh bệnh thuốc, hang đêm mây sinh, đầm Thu trắng rụng, thiên chánh cơ xoay, vuông tròn chuôi đục, mộng xuân hồ điệp hớn hỏ mà vật bằng, đồng minh nơi hoang dã cò trắng bay bay mà nhàn vui, khéo xúc không đáng xung nên làm gì, kiếm đó múa không, đây kia chẳng se, châu đó nhận ảnh mà tự tha giống nhau, khí vận góc núi, âm chỉ đề cán, què chân thiếu tay có xa vời, há miệng hòa hòa chẳng không đòi tìm.

Hương sát Thôi ở Dương Thọ tả chân dung cầu tán.

Hình nghi vất vả, khí mạo lạnh khô, mây đồng tự rối, cây núi ai già, tánh nguyên lẳng mà khéo còn, thể vốn chân mà không rõ, đời huyền ứng các duyên, ruộng hoang chẳng chọn cỏ, gió khói trông đoạn chừ ảnh lớn mờ mờ, nước trời gặp nhau chừ dáng Thu vời vời.

Tiền Lang trung tả chân dung cầu tán.

Tâm sáng thẳng tịnh, dung hợp xưa nay, sông Hán khí trong Thu rộng, sáng Ngưu đầu sáng lạnh đêm sâu, cơ rành rành chừ thoi gấm nhả tơ, đường miên miên chừ chỉ ngọc liền kim, trăng loáng biển san hô, Xuân xoay rừng chiêm-bạc, pháp pháp biển thông tay nghề, trần trần không ngại nổi lòng, gương sáng ai ghét vật sai biệt, núi không tự đáp âm hợp đồng.

Trương Hán hương tả chân dung cầu tán.

Đánh che tuyết trắng, mắt giảng sóng biếc, sương trong đượm chuôi đầu, vách xưa treo thoi rỗng, hoa của Thiếu Lâm chưa già, gương của Tào Khê chẳng lau, chỗ được bao nhiêu, nhà truyền chẳng nhiều, no lời mây nước ba cây nan, móc hết giang hồ một tấm tơ.

Trương Giám thuế tả chân dung cầu tán.

Dò xét sâu xa từ đầu, lẳng còn như rỗng, thể sáng vô tận, khí trong có thừa, tuyết của Thái hành che thất, băng của Hoàng hà chở xe, móc báo biển cạp vằn, rỗng sấm cá đốt đuôi, khói mây đượm thắm, cây cỏ rạng ngời, căn căn trần trần rành rẽ, pháp pháp niệm niệm như như, hành giả thung phùng được y bát, tâm truyền khả tín chẳng còn ghi.

Trí Tuyên Trực Tuế tả tượng Sư cầu tán.

Đầu sương râu tuyết, mắt hang mây núi, Côn Lôn nguồn ta cứ, hồn hậu tục ai giữ, nơi nhận qua mắt trời Thu rộng, khí hoa lúc đượm ngày Xuân dài, các trần không ngại, khéo xúc không lầm.

Thiền nhân và Hóa chủ tả chân dung cầu tán.

Mây giảng mây đó, tuyết phủ đầu đó, không không nuôi tuệ, đầu đầu quên duyên, trăng chiếu san hô chừ, biển phát sáng mà chẳng đêm, từng sinh hổ phách chừ, căn nâng mỡ mà có tuổi, tánh chỉ bình đẳng, Đạo pháp tự nhiên, chày linh ở tại nắm, gậy phát ở ngay tay, móc báo

khoác đồng của cây tử, rỗng sấm rỗng sông của hoa đào, mây nước Thu từng lâm cùng khí vận của lão thành, khe núi cây cỏ Xuân từng ủ gây nơi gió khói, lực học của cháu con, gia truyền của Phật tổ, ải của kim chỉ qua, chiếu của khám đèn tỏa, hướng đạo long môn không khách trọ, mà nay rùa hạc thả thành tiên.

Khí trong nước Thu, cốt lạnh cây khô, liễu mắt xanh Xuân sâu, đầu bạc núi tuyết sớm, đủ tướng đại nhân vậy, không rơi chẳng sợ, có lực lượng lớn vậy, gió thổi bèn ngã, cái chút diệu xứ khó truyền, hướng đạo thợ vẽ thảo thảo.

Tùng tiết già cứng, góc núi sương sớm, cò nhàn cát mịt mịt, nhận mắt khói xanh xanh, hào tượng càn liền khôn đoạn, hình khí quy tròn củ vuông, chợ náo gặp nhau liền cùng tợ, nhà Đông thìa ngăn nhà tây dài.

Vực im lặng còn, đạo vượt thấy nghe, chân chiếu vốn có, diệu hết mới huân, thần của cốc rỗng chừ đại thiên giới khắp, ảnh của trăng sáng chừ trăm ức thân phần, không trụ, bình nổi nước trôi; tự do, chim bay mây chuyển, được đó có cứ, dụng đó chẳng cần.

Miệng rộng mũi lớn, thần tĩnh tâm không, tuyết bờ lau vượt xa, nước trời Thu sắc đồng, đêm lạnh bắc đầu duỗi đuôi vàng, trăng rụng núi Tây giấu cung ngọc, chân cơ uyển chuyển, huyền trú viên dung, Phật xưa tự nhiên giao cây cột nơi đất trống, sắp ngựa tay xem biển thông.

Giữa hang núi là dương xuân của cây cỏ, gió trên sông hồ tinh thần của khói, râu tóc tuyết đồng, mặt mày bờ Thu, vực lắng lạnh hang của cốc, tròn sáng dưỡng lão quý của con trai, bước bước vào trần cửa cửa ra thân, chớ buồn chỉ mới chừ cháy đuôi cong, vừa ý trên móc chừ rục vây tiêu.

Loại thân nhàn chớ thâu, tình tâm lắng chẳng lưu, mảnh trăng tợ tỏ rõ, may lẽ buông dằng đặc, lông đầu suy bạc tuyết núi cao, mày mắt lạnh trong Thu khe xưa, nắm tợ gió Xuân chút con diệu, buông đến cỏ cây mười phương đều.

Thái hành quanh mâm, Hoàng hà rỉ rả, gan mật sáng sạch, lồng ngực rỗng rang, gió lành chưa sinh, răng má, tuyết trắng đã lên mày rau, im của thiếu thất không thuyết khác, cối của Hoàng Mai chẳng hay sách, thấy suốt xưa nay mặt mắt người, danh ngôn sao dám vọng phân rành.

Sống thức giọt khô, da bụng buộc rỗng, miệng vụt sóng mà biển rộng tóc rử tuyết mà núi lạnh, khéo truyền gia pháp mắt đầu lâu, xảo

huyền thần thông viên thit đỏ, căn tùy lại vậy, đánh đục không sọc.

Núi phủ tuyết chừ một đầu bạc, nước Thu sâu chừ hai mắt xanh, quả hào mới làm tượng, da cốt tự thành hình, hỗn độn phác về trước, âm dương linh chưa phân, đạo truyền Phật chẳng ra đời, nghĩa đủ chớ mở đề kinh, ứng chừ mây trắng dùng vậy sấm sét có giữ mà biển chứa chấn non, không ngăn mà đoạn càn bình trôi.

Si ngồi thuận vậy, núi không hang khô, lia nhiệm vào ra, thiên chánh qua lại, ngàn năm từng cửa hổ phách chừ ổ hạc mộng lạnh, nửa đêm trăng của san hô chừ kinh lộng sóng rét, toàn công đều hết, mượn đường nào khó, chuyển bước mà xoay từng lâm vậy, bờ bờ hòa khí, buông miệng mà nói sông Hán vậy mênh mông vọt sóng, đường gặp tác giả, ai dám cùng khi.

Khéo truyền ở chân, chuyển nghiêng mà thần, gót đỏ kiếp không đường về đi, đầu bạc nhờ bạn người chẳng đến lại, không tâm phân vật ngã xứ nào dính căn trần, khói liễu oanh hoa ôn mênh mông, thời tiết thái bình đại gia Xuân.

Tổ rỏ trong lạnh, li ti tóc mai gầy, dáng của hang gò, vận của ráng khói, ngồi yên tâm không, sum la mà hải ấn, trung rỗng vậy, càn mà thành ly, trong động vậy cần mà biển chấn, mây trôi mà dụng nổi, điện chế mà có nhanh, người thợ săn chẳng rước bụi trần, tổ Hoàng mai thân truyền cú trông.

Tâm chót vót truyền, rành rẽ quên duyên, hoa rụng sương bạc, may rải núi xanh, kiêu ngọc thổ đẩy mà rửa mở sắc đêm, lồng bạc hạc ra mà bay qua khói lạnh, mượn công rõ vị, nhờ bạn vào triền, ứng không sản mà lý đến bình đẳng, dụng chẳng cần mà đạo đó tự nhiên, cùng gặp người biết, bèn cho mở tay.

Đánh tuyết chống Xuân, mắt lạnh bắn người, áo tơi sông hồ mưa, đầu phù sông Hán ngập, vụng quên có chừ ôm bình, khéo chẳng truyền chừ bánh xe xoay, chim hang hoa núi tự thanh sắc, mười phương hiện khắp sát trần thân.

Khí mạo vời vợi, mắt mày ấm áp, một mạch đó phân phái phát nguồn của Côn Lôn, trăm sông đó nuốt sóng lạc căn của san hô, gió khói trong xa sọc của Thu, cỏ cây tươi tốt ân của Xuân, thoi của vách xưa chừ cốt của sâu rồng, ngọc của đầm lạnh chừ hồn của trăng đêm, râu già mai suy, đánh tuyết cầm tơ, đầu vuông tự đẻo, miệng chậm như chày, gặp nhau nhàn thọ dụng, quen ăn rơi tiện nghi, giày cỏ giá tiền trình tôn tức, nước tương tiền trả ngọc lão sư, pháp chẳng xứng tình chừ, bình đẳng được học của định tuệ, tâm không chỗ trú chừ, tự nhiên thấy

thời của ly vi.

Tùng đá nằm lạnh, mây trắng cao nhàn, đồng tuyết trên râu tóc, sóng Thu khoảng chặn mây, dùng giữ chuôi trí, lắng vào vòng đạo, giấc tâm rành rẽ, việc huyễn lỗ lang, cỏ cây tinh thần chừ, phong lưu tự được, từng lâm khí tượng chừ tin Xuân ai lặn.

Tuyết lấn rể tóc, Thu sinh khóc mắt, trắng sáng khách đầu xuôi, gió trong tầng trên lâu, sóng vút đuôi trần chừ dẫm đạp rỗng voi, gió xoay sừng dê chừ biến hóa côn bằng, chúa thê Phật sự rất bị người ghét.

Ba sông người thật, hai triết khách xả, lắng còn gần lý trí, khéo xúc ra căn trần, dây chim hành cước việc tông lâm, búa lụt ở núi thân mây nước.

Hình hài cây khô, dấu vết mây đồng, chiếu chừ sắc đêm trăng sờ, im vậy đầm không Thu vào, ba ngàn cõi bày nửa thân, chín muôn dậm thành một hơi, tùy loại ứng duyên, nào những trăm ức.

Vời vợi núi có vết Thu, nhạt nhạt mây không cội cũ, vào cực đáy của nhất mặc, ra thành cửa của tam muội, dụng chẳng cần, lặng như cò, lắng chẳng trong chừ khuấy chẳng đục.

Sơn đen trông mắt, thiệp và nghiệp da mặt, trí lắng trắng tạnh cùng chiếu, thân nhàn mây đồng chẳng ngăn, gần bôi nắm tay trần tôn túc, nỏ nà đầu gặt vương lão sư, kim chừ chỉ chừ sáng khâu tối vá, âm chừ luật chừ tự đánh riêng thổi, đạo ấy là ai, cháu của phù dung chừ con của Đan Xuất.

Núi vợi vợi tuyết sớm, sông thăm thẳm Thu trước, lắng vậy ứng của hang rỗng, động vậy của mây nhàn, tự gần phương ngoài chuyên lắng, ai cùng trong hoàn đến chơi.

Dáng của mây núi, vẻ của nước trắng, dung của biển lớn, lượng của thái hư, nhận vậy đích đích vô tâm, ứng vậy đầu đầu lìa tướng, tuy duyên có chiếu chừ, diệu mà chẳng vết, suốt đáy mất nương chừ, không mà chẳng rỗng.

Im có tâm truyền, ngừng sắp cùng trông, ổ khói hạc mộng, hang trắng cóc lạnh, trong lắng muôn duyên giấu lỗ mũi, trông cười trăm việc thấy đầu mây, mà nay râu tóc điểm nửa bạc, hưởng đạo từng lâm trải trăm khó.

Chỉ là người ấy, đến xứ phân thân, trắng khoảng giữa muôn sông, Xuân trên đầu trăm hoa, chẳng ngoài một pháp, chẳng nhận các trần, sinh xứ thực vậy sơ xứ thân, lúc im nói vậy lúc lắng thân. Bát bốn dính cơm no lại mừng, gậy chống vào tay đối buồng sân.

Một tướng không tướng hư không đồng lượng, một thân nhiều thân vật tượng đều Xuân, động vậy mây ra núi, lắng vậy thân ở hang, hiện hình nói pháp vậy cõi cõi trần trần.

Nhìn nhìn biến thái hào đoan, gió Xuân chẳng lở tuyết đầu lông, sắc Thu tự xoa trông mắt lạnh, cười thêm nhìn lỗ hai mày rung, tham no da bụng ba ran rỗng, ngồi cong sần cây, nắm gậy dây chim đúc khuôn dáng của Phật tổ, trần khí tượng của tông lâm, ngời đến miệng hở vuốt râu, ai lại dám đầu rắn gãi ngứa.

Núi, lạnh đeo vết tuyết, tin Xuân vào rễ hoa, tạo hóa há không cán, phần kẻ hèn tự có cửa, hiện hiện ẩn ẩn vậy đều nhờ ân đây.

Đầu lâu rỉ khô, lỗ mũi thấy rỗng, trống không ba khoảng chẳng lập hào đoan, mặt mắt gió sương giết, thân tâm trắng nước lạnh, tình trần sạch hết chừ muôn tượng đều trong.

Mây lạnh tự cao, mắt đối khá lớn, dây chim gầy nắm tay, gổ cong im ngồi yên, không lời mà riêng linh, có xương mà ai hòa, Thu sờ sắc nước chừ, trong sạch vết sẹo, Xuân vào cành hoa chừ khéo quên trình khoa.

Tóc suy nửa bạc, mặt cười điểm hồng, nước đồng Thu không tượng, tông lâm Xuân có công, hoa tốt phân bướm mộng, trời xa mắt hồng bay, mượn hơi phân thân mấy vậy, cùng theo Nam Bắc Tây Đông.

Đầu lưỡi thịt một miếng, miệng môi da hai mảnh, có lúc nói đạo đàm thiền, chột vậy sấm oanh chớp chế, muôn cơ ảnh tiêu, một sắc công chuyển, xưa nay không vật gương chẳng dài, Hán Hồ chẳng vết nào chỗ thấy.

Gió xem si lăm, hài già sinh, góc mày râu biết nặng, hơi mũi lắng lại trong, trời đất chưa hình tượng, một điểm tròn sáng, sương rửa đầu ngư ướt, Thu tạnh sông Hán giảng, chớ đem hào hốt sẹo không tánh, hướng đạo trong hoàn thái bình dài.

Thân tâm bình thường, mặt mắt tro cỏ, im nói một câu, sáng tối toàn gồm, cơ như chớp lóe trên trời, động phát dương sấm của trong đất, biến hóa cùng thông có nhiều sự, hướng đạo cùng theo cái gì lại.

Lặng ngồi giường hồ, lâu mà càng thơm, im mất vết đen trắng, ng-hèo chẳng biết xanh vàng, trú không tướng chừ che giấu cửa rùa, hành không phô bày chừ liệng của chim, trắng tỏ rõ mà cá nuốt sáng, hoa thơm thơm mà ong hút âm, cùng theo lại vậy xúc xử ràng ràng.

Dưới mày mắt sâu, trên trán cốt nhô, nói thiền miệng hẹp, thọ đạo tâm không, nhàn nhàn không mánh khéo, im im có gia phong, mảnh trắng rửa lau Thu lại bạc, trăm hoa chấm nhiễm Xuân hay làm.

Tối mà sáng, rỗng mà đầy, nước cùng sắc trời Thu, trăng trào lưu đêm ngày bình, không tại chẳng tại, không sinh chẳng sinh, các trần tùy dục đổ, muôn hóa được dọc ngang, im im đại toàn chừ vách treo miệng nhàn, đành rành chánh thọ chừ ai dán tên xấu.

Dạng sư tăng ấy, mặt mắt đáng ghét, danh sớ lại chẳng tợ, che giấu lại nào từng, hư không rỗng không công phu treo kiếm, biển xanh sâu có mảnh khốe khêu đèn, đầu tẩu đầu-đà đủ, linh lung đạo giả cao, vào Môn hỏi gì như cái năng.

Tâm nhàn chẳng bị thân ngại, cơm no vẫn ghét lấm lời, diệu ứng các cơ sống cao vội, im truyền một câu tròn đà đà, trình tợ xong vậy, lại cùng biết chẳng.

Ổng mũi thẳng vành mắt sâu, lúc im tự biết đã mất miệng, xứ diệu ai hợp cùng truyền tâm, bèn cho thế chỉ như nay, trong ảnh biện lấy chừ cửa treo rừng tàn.

Cái hình nghi ấy, gã cơm từng lâm, núi Xuân có tuyết tóc suy bạc, nước Thu không gió mát lạnh xanh, khéo rõ ruộng đất, sạch dơ sân cửa, muôn duyên chẳng cậy sống vời vợi, một sự chẳng dính không linh linh, cầm tay cho thuốc chừ ai tìm cở gốc, hỏi bến chỉ nguồn chừ tự được kinh tranh vẽ.

Hình nghi nhạt như, bụng dạ rỗng không, lưỡi chẳng học Phật, dốt chẳng biết sách, lắng ứng các duyên mà không ngoài, im dung muôn tượng mà có thừa, bằng vật mà mộng bướm, vui tánh mà trông cá, hẳn chính là ta chừ ta chẳng là hấn.

Linh linh một vật, danh mô phỏng mà được, kinh lớn ở vực của biển xanh, thỏ già nằm hang trăng sáng, đã bày chẳng thẳng, kéo ngay làm cong, chỉ đành lúc được hội cũng không, chẳng phải uống sắc chừ song lục trong mâm.

Tợ thì chẳng phải, phải thì chẳng tợ, động chừ mây trôi, lắng chừ nước dừng, năng tùy duyên chẳng tùy loại, trên trăm đầu cở tìm lão tăng, trước trời đất tự thôi, chớ đem cái hình hài nay uống treo môi răng kẻ khác.

Lặng đề hai da, mừng nhường hai mày, dáng Thu sắc nước trong, tin Xuân náo cành hoa, què chân mất tay, ngu ngu si si, xoa chạm gia phong chừ lỗ mũi xếp rử.

Nghe tên chẳng như thấy mặt, đô lô là một cái, gió bụi nơi ồn thường nhàn, đi chợ lúc sang chẳng hèn, ngọc tròn chẳng đánh chuyển, vàng rỗng lâu mài luyện, xúc phạm cơ phong chừ, trời xanh lóe chớp.

Râu tóc già thế, mày mắt trong sáng, Thu sinh trong nước đồng

tuyết chiếu trên núi lạnh, tâm của biển lắng, lượng của nuốt sông, đầu đầu chẳng sai cơ nghi, xử xử cùng đến ổn đáng.

Nường dạng vẽ hồ lô, gặp nhau biết hay không, luống qua rồi thành phong (đầy) mài kiếm, trông được phá hợp bãi trả châu.

Tóc bạc lạnh núi có tuyết, mắt sâu giếng Thu lắng sóng, đục hỗn độn nào mất đại đạo. Nguồn Côn Lôn tự phát sông dài, một cười mười phương việc ba đời, chẳng ngại tùy xử Tát-bà-ha.

Núi cao tuyết sớm, sông sâu Thu trước, công luân cùng tốt lùi một bước, trắng đen thời trước gây một đàn, theo nhau lại vậy lại biết chẳng, Nam Bắc Đông Tây được tự do.

Thân chừ lá chuối, miệng chừ dây sắn, tuyết xin cơm người trời, sáng truyền đèn Phật tổ, cơ sống làm Xuân tượng, niệm lạnh sở gió cao, kim vàng chỉ ngọc chừ ai ta sợi sợi.

Tóc trắng màu tuyết tàn, mắt mang lạnh của Thu sâu, núi Xuân chưa ấm, nước đồng không sóng, gia phong sở lỗ mũi, việc tốt lên đầu mây, nhân duyên ba đời chừ, nửa thân mà ứng, cõi biển mười phương chừ một hợp mà khô.

Lạnh ngồi không nói, dây lẽ tại tay, mảnh tim ngoài các tượng, một câu trước muôn cơ, thân nhân mất sóng, mâm trơn châu xoay, hư không nên không vách chẳng ngại, giải rõ mười phương duyên ba đời.

Đạo tùy duyên mà chẳng đổi, nguồn đến sóng mà chẳng khô, ăn của thiên duyệt chừ no bụng đó, tòa của pháp không chừ xếp chân đó, Thanh Nguyên tự mừng có sừng vảy, Hoàng Nghiệt ai ghét vuốt râu hùm.

Nước đồng Thu trong, cóc lạnh đêm sáng, khí tượng năng rỗng trắng, gia phong tự hỗn thành, mũi khoái ống thẳng, mắt sân mọc sừng, thái hư đồng thể mà chột rụng, muôn tượng đồng dụng mà cao vời, nhân gian có cơm no đầy da, im im ngu ngu tạ thái bình.

Dáng già rử rử, năm tháng lẩn khinh, nửa đầu sinh tóc bạc, cốt gầy da vàng bao, tình nhân dùng mà sống, câu diệu im mà biết, sông rộng sao lạnh mây đêm lắng, trời không bốn vách gió bay bay.

Mây rử mà nhướng, miệng im mà vuông, rõ thấy đáy nguồn, cực tịnh phát sáng, hồn trắng bày sắc đêm, khí đầu rửa sương Thu, ai ghét trên mắt sân mọc sừng, ta nói trước cơ ảnh chẳng rõ.

Nhìn lỗ thế nào, tóc tuyết râu sương, Thu sáng hang trăng, Xuân phát bình băng, diệu hết lại đời bước, công quên liền buồng cày, nhón lại tùy xử thành tông yếu, hưởng đạo người đây đức chẳng coi.

Tóc bạc trên đầu, mắt xanh dưới mây, tuyết điểm rừng thông, Thu

sáng nước đồng, muôn tượng tự cùng đến, một linh lại chẳng nhờ, im im một trần vào chánh thọ, rành rành các trần tam-muội dậy.

Sạch mà trong thuần không một trần, thuần mà trong sạch có muôn ứng, trông mắt sáng lỗ mũi ngay, lại sắp bề gân quây biển cả, khiến cá rồng kia biết nước là mạng.

Bể chứa trần cao, sâu chừ cao chừ, im im mà được loại đó chẳng bằng, một mũi thẳng hai mắt thấp, ảnh tượng người năng nửa bầy, nói năng ai được toàn đề, Thiếu Lâm chín năm chừ si ngôi lạnh buot.

Tóc bạc tinh tinh, cốt gầy khí trong, tuyết xâm núi trọc lóc, Thu tại nước đọng sâu, trôi hổ phách chừ khe từng già, chiếu san hô mà sóng trắng sáng, ảnh rơi đại thiên rồi vậy, nào ngại xúc xứ cao vời.

Nguyệt tê bị choáng vãng, vụ báo nuôi vắn, có thông có biển, hoặc hợp hoặc phân, đêm lạnh sông rửa đầu, núi nhuần đá sinh mây, điệu lắng trước thể sáng rành rẽ, từ giao thiên hạ vui hỗn hởi.

Chẳng lạnh chẳng khô mà thu suy, chẳng sạch chẳng dơ mà Xuân lại, thần hư mà ứng, cơ phát mà xoay, phân thân Di-lặc, chấp tay Thiện tài, khảy móng phát tiếng chừ lâu gác cửa mở.

Thân tâm trong yên, mặt mắt lạnh nghiêm, ổ khói lạnh xanh chim nằm mộng, gió sóng xanh sạch cá đạo ngậm, mệnh mộng chừ trông nghe tự diệu, nhàn nhã chừ thanh sắc chẳng dấn.

Nhìn nhìn khí vị trái khó khăn, trăm thành tim mật lão, Ba-nan-da bụng khoan, chiều Thu sông dài nhạt, sương trong bắc đầu lạnh, há miệng hòa hòa chừ ghét lời lạnh, chấm chấm lờ lờ chừ thôi định gặp nóng khinh.

Rèm sương tả dáng bệnh, cây lạnh được Xuân muộn, ở núi tự chịu buộc ba nan, trần lập mỗi phiên chau đôi mây, đầu trâu chẳng lưỡi, đầu hổ chẳng si, cái việc mười thành lại tự biết, cơm bít bụng đói áo che rách, chẳng ngại rĩ rên con xuất gia.

Núi gầy lạnh sớm, cây già khô trước, tâm ngậm ba cõi không, niệm động một trần chợp, thái hư ai cùng tăng thêm, muôn tượng nào từng khuyết thiếu, dừng như thần cốc tự biết, chịu đem thân nhân cùng quấy nhiễu.

Không tượng mà tượng, có nhiều khuôn mẫu, chẳng chân mà chân, chỉ cái hình thần, chợt trong vậy ngàn núi muôn hang mà Thu, sáng đẹp vậy các trần trăm cỏ mà Xuân, cái gì lại chừ xứ xứ cùng thân.

Lẳng lẳng mà biết, linh linh là ai, không tượng mà riêng còn lỗ mũi, có câu xứ chẳng treo da môi, đêm lạnh tinh hà rộng, sương trong chuôi đầu buông, tùy duyên ứng thế vậy vừa đúng cùng theo.

Mặt mắt núi rừng, thân tâm trắng nước, tuyết nào sớm mà hang xưa cao, Thu tợ trước mà đàm lạnh sâu, đầu có tơ gấm, đuôi chỉ kim vàng, ai bảo đạo lớn tự có biết âm.

Thần lẳng khí trong, tâm không mắt sáng, trong các trần chợt rưng, trong muôn tượng cao vời, đi thì tùy, đến thì nghinh, ba đời dọc mười phương ngang, gió thổi bèn ngã phải tin nhau, vừa đúng ai từng cùng vật tranh.

Râu tóc suy bạc, tuyết điểm rừng lạnh, mắt mày lạnh xanh, Thu sinh khe củ, ứng đó có thừa, dụng đó nào giới hạn, sóng gió chẳng quản chừ nhàn tợ hải âu nổi, nước trời liền nhau chừ xa theo nhận về.

Miệng vụng im im, thân nhàn vắng lặng, đi ở khéo dất ấn đó, sống chết ai cùng đồng điều, vượt râu Hoàng Nghiệt, đoạt gậy Ba Tiêu, mười phương ba đời chừ một câu toàn siêu.

Truyền đó mất chân, hiểu đó mà thần, tỏ rõ trí viên mà có chiếu, thanh hư lý cực mà không thân, tâm nảy pháp pháp, ảnh rơi trần trần, một đoạn tinh sáng Xuân trên hoa.

Chân đó giả đó, ai cùng miêu tả, tợ ta tợ ai, chớ vào tư duy, đất vuông thành củ, trời tròn thành quy, ba cõi lại không chút pháp thừa, một thân lại cùng mười phương nghi.

Mày mắt tỏ rõ, râu tóc xanh xanh, rừng thưa đượm tuyết đồng, khe cũ lẳng ánh sáng Thu, gấm thêu ai phân đường thoi nhỏ, lỗ kim mới xuyên chỉ dài, hạc mộng chưa sáng, chim bay không rõ, bằng mua bằng bán trả người đang đi.

Sâu lẳng mà sáng, chí hư mà linh, ta mất đen trắng, ai làm đỏ xanh, một chấm rơi chốt cơ, muôn duyên hình phân hóa, nước dưới trắng mà sáng sạch, mây ra núi mà nhẹ đầy, khéo ứng vô phương quả như đây, hồi đó tùy xứ lập sân cửa.

Dáng cao vót, thầy của vụng dốt, lẳng mà mất tượng, động mà biết thời, có miệng cần treo vách, không máy chẳng qua tợ, khí Thu trong mà tinh hà nhạt nhạt, bầu trời rộng mà sao đêm rữ rữ, mặt mày này chừ cùng người theo nhau.

Khí trong núi Thu, dụng sáng trăng nổi, một không chỗ gởi sáu chẳng được thấu, mặc chạy nhảy mà khác loại, sống lao nhao mà tùy dòng, trên trời dưới trời mây nước tự do.

Thân lẽ mây nhàn, tóc già tuyết bạc, từng lâm lỗ mất trong, Hán Hà cửa miệng hẹp, ứng thời ai ngoài các duyên, rơi chuyển tự tiêu một sắc, vời vời muôn tượng sum la, hưởng đạo cùng người bằng ra.

Thịt đỏ đục lỗ, cốt khô lột da, tự nhiên vô ngã, người nói là ai, hai

trông Thu chấm chấm, hai mai tuyết tơ tơ, gậy tựa đầu giường chẳng đi các phương hành cước, miệng treo trên vách muốn học người xưa trú trì, vực lẳng có câu, thật được không thầy, ong ven núi Xuân hút hoa chiêm-bặc, chim biển mộng nằm cành san hô.

Dáng của năm lạnh, tóc suy tơ tơ, truyền tỏ rõ, lẳng còn miên miên, Thu không tạnh mà trời liền nước xa, sắc đêm rét mà sông giăng đẩu xoay, bằng mua bằng bán chừ cao đến thấp, vừa quy vừa củ chừ tùy vuông theo tròn.

Tượng chừ chẳng chân, chân chừ chẳng tượng, diệu minh trước của bốn đại, tự ra trên của các duyên, chẳng nắm tâm truyền một chữ, có khí lượng nuốt trăm sông, tùy phương ứng khắp mà chẳng khuyết, rõ ràng đêm sáng ở tại tay.

Im im gia phong, như như quy củ, khéo chẳng thể dùng lời truyền, chân chẳng thể dùng tướng lấy, tỏ rõ chén trắng, rỗng trong bầu trời, vật ngã tình quên chừ ai phân mảy người.

Trí phải chuyển sắc, sạch lại phát sáng, mắt sống chỉ tự chiếu, mảy vui vì ai nướng, với với rành rành rục rục rõ rõ, chớ nói ta chừ gặp việc quay mặt vào vách.

Trí sạch mà rõ ràng, thể không mà xa với, tâm trời sông nhạt trắng muốn lẳng, từng đánh tuyết lạnh Xuân chưa tiêu, ba đời chuyển đổi chừ, khảy tay đoán được, muôn năm lâu dài chừ, một niệm toàn vượt, cái gì lại vậy, thuận gió vượt trên sóng.

Lạnh của núi chừ mang tuyết, trong của nước chừ ngậm trăng, im mà linh chừ với với khéo còn, lẳng mà ứng chừ, trần trần ánh sáng tỏa, thấy suốt ly vi chừ mặc ra mặc vào.

Một viên thịch đỏ, thưa thông vài lỗ, chỉ sắc chỉ thanh mới nghe mới nhìn, chẳng mượn ứng mà tức chân, chẳng ngoài hư mà thường chiếu, lâu dài ngồi im mất cơ đời, muôn dặm trời xanh tuyết chim bay, gọi mảy thợ vẽ nào được diệu đó.

Tâm được mà chân, vật ứng mà thân, huyền trú tam-muội, học rõ các trần, tiêu dao tự tại chẳng cùng pháp, mênh mông phóng túng vô biên thân, sáng sáng tỏ tỏ tùy đồng nguyệt, lá lá hoa hoa Xuân khắp nơi.

Tình cho đó ngoài chừ nói đường nào thông, hình vỏ đó ngoài chừ phỏng họa nào đồng, một phương sáng có trắng, muôn tiêu thổi nhờ gió, ứng đó mà diệu, dụng đó mà xung, quần sao phò chừ vây quanh về bắc, hướng của dòng nước chừ cong bẻ về Đông.

Cây đá hình hài, băng tuyết gan mật, một chấm diệu khó nói,

mười phương cơ chưa cảm, rừng lạnh lay rơi chừ, ai vuốt râu của hổ già, biển xanh triều dâng chừ ai thăm má ngựa lão, im im lắng còn, rành rành vốn soi, phát dụng vậy liền cần đoạn khôn, duyên ứng vậy sáng ly tối khảm.

Lạnh dính cốt của núi xanh, tuyết đè đầu của tùng già, hình khí trong mà có tượng, vết tâm sạch mà mất duyên, các trần chẳng nhận một ấn Thu toàn, lớn lớn nhỏ nhỏ chừ vuông vuông tròn tròn, thần quán lắng lắng, hòa khí dồi dào, khe ngọc trắng tỏ, rừng quỳnh phát Xuân, vừa đúng tương dung vậy nào đây nào kia, rành rành chẳng còn vậy đoạt cảnh đoạt người.

Tâm không trắng cao, tóc bạc tuyết nhiều, khí nuốt trăm sông chừ miệng đó như biển, sóng cuốn muôn dặm chừ lưỡi dậy sóng, một câu chỉ thẳng, ba thừa riêng vượt, chợt sấm phá sâu ra khỏi đất bằng, gót đỏ đạp cầu vòng lên chín tầng mây, ảnh cỏ cười không thuật, lạn kha biết có củi.

Mây mắt mười phần tinh thần một đoạn, non cao tuyết tan chậm, cây già Xuân lại lâu, khe cũ khách trắng sáng, núi xanh bạn mây bạc, mượn sáng xứ nào chẳng phân thân, cỏi cỏi trần trần ai biết gọi.

Im im có được. Linh linh không nương, điệu cùng vào ra, chiếu suốt ly vi, muôn tượng đều thâm một ấn, tam-muội khắp tại các cơ, mà nay cái gì cùng đi theo, trọn ngày như ngu chẳng trái ta.

Gấp gấp mà Thu, muôn hóa ngầm thâm, ngời ngời mà Xuân, các loài co duỗi, khoảng của trời đất ai tạo vật, phát của then chốt là người nào.

Chữ bát mây thấp, bốn phương miệng rộng, sắc tóc tuyết tùng lạnh, ánh sáng mắt rục hang chớp, không của tay nải, sống của then chốt, khoảng đó chẳng mây an bài, trong ấy là ai tạo tác, ảnh cỏ chẳng rõ chừ, khéo xúc không vết, mất thân chẳng hết chừ, trường sinh có thuốc.

Lạnh vậy mà Thu, mắt lạnh tâm ngưng, ấm vậy mà Xuân, miệng cười mây bày, rành rành trí không phân biệt, vởi vởi nhân chẳng nghĩ bàn, mất cơ trả phác, được dụng lại thuần, khéo của đồ họa, nào có thần đó.

Thu vào khước mắt, Xuân sinh lỗ mũi, kèm vùi cứng ngoài, tiêu, đầy rỗng trong, máy đời vụng của ôm hủ, đạo dụng khéo của đục bánh xe, ong hút hoa phòng chừ, sấp tỳ gây mật, tê say bầu quế chừ mũi thỏ lưu thông.

Héo héo đầy đầy, què chân thiếu tay, dụng miên miên mà mây

trôi, cơ rành rành mà điện chế, có lúc ngậm miệng nuốt sắt vậy, học ở núi bó cột, sinh chừ chẳng sinh, diệt chừ chẳng diệt, trăng của nước Thu chừ, tuyết của núi Xuân.

Thân tâm tự nhiên, từng đá mất tuổi, Xuân mây nhàn tự hạc, Thu nước xa liền trời, rỗng năng ngoài ứng, im giữ gia truyền, Đông Tây Nam Bắc cùng khắp bằng nhau.

Một đồng thịt đỏ, một đũa tanh hôi, vật nào dính ở trong, có ứng phát ở ngoài, khéo vào các cơ, im thành tam-muội, cái lúc buông tay dứt trước bờ, mới thấy hỗn luân đánh chẳng nát.

Giáo bài không dấu vết, tán đó tuyết sườn bờ, mới phát danh ngôn bèn thành hình đoạn, trăng lau lẫn xứ cò kêu, trời nước liền lúc nhận mất, mà nay đỏi hiện mười thành, hướng đạo chỉ được một nữa.

Thanh bạch mà đạo, giang hồ Thu của gió trăng, biến thái mà thân, mây khói Xuân của cây cỏ, thể đó mà chân, dụng đó mà thuần chẳng Phật chẳng Tổ mà năng Phật năng Tổ, chẳng trời chẳng người mà năng trời năng người.

Bốn đại không dơ, năm uẩn ngoài lại, trí tuệ còn về cha, nhân duyên đầu chẳng mưu, núi tây lạnh dưới trăng, biển Đông xoay sóng đêm, mỗi mỗi căn trần khéo xúc sự, ngàn ngàn tay mắt mở tùy nghi, chúng sinh thế giới rõ như huyễn, ảnh tượng nào trét linh đài tôi.

Nhìn nhìn tâm không cốt lạnh, cây khô ấm chưa phát, đầu lâu trơn rỉ khô, Thu vào khóc mắt, Xuân sinh chót mũi, cùng gọi cùng kêu biết âm hội, làm ngã cán giết trước của ta.

Cái đó người nào, khí trong cốt bần, mặt mắt ráng khói, tinh thần gò hang, nhị nghi tự nhiên một thể, muôn tượng há cùng đồng trần, trên sàn toàn oai trán bạc, đầu câu xứng ý cá cần đỏ.

Người là người nào, áo thâm bao thân, lắng ở trời không bốn vách, có xoay trăng đeo lớp vòng, mộng trong cảnh bướm nhàn có thú, lộ lớp ngực ve sạch không trần, cùng theo hóa sự vào giếng triền, trăm cỏ trên đầu gió khói Xuân.

Dáng xưa mà lẻ, khí trong mà gầy, Thu sinh rừng hốc, trăng tại sông hồ, thể của thấy đạo đầy mà rỗng, dụng của tùy đời có mà không, Phật Phật Tổ Tổ chỉ cái khuôn khổ.

Tĩnh mà thuần lắng mà còn, hải nhật cây san hô, um tùm rể hổ phách, gia phong truyền cha ông, sự nghiệp giao con cháu, xoay đường khéo chạm rõ cơ dụng, cái là trăm ngàn môn tam-muội.

Rừng lạnh khí trong, chiều bãi sóng lắng, tượng của tự do cùng theo mà gọi, dây lẽ nắm sơ sài, ba cột bụng trương phình chợ náo ai

ghét cơ chín, tông lâm người đạo no tham sống.

Thanh bạch truyền nhà, lắng còn trao tay, cây rơi gió cao, nước sáng trắng ngày, hai tròng lạnh dùng mây, mãnh lưỡi nhàn lay miệng, tông thông vậy động nước nghịch dòng, hiếu mẫn vậy rượu đánh tào sơn.

Tuyết lạnh phủ đầu, mây nhàn che vai, động tùy sau người, tĩnh trú trước đó, bên đầu trăm cỏ câu lão tăng, trên đài ngàn hoa thiên cổ Phật, pháp pháp không ngại, tâm tâm kín truyền, sọ của trăm chiến chừ gió mưa vết ngứa, cày của chín đồng chừ nước bùn xuyên cổ.

Lắng còn của thể, sóng dẹt cửa biển, mất vết của dụng Xuân vào rể hoa, ánh sáng chiếu hồn của san hô, gợn sóng phá nguồn của Côn Lôn, ảnh động phi phương, tiếng dấy vượt tường, tĩnh do ứng nhiều, xung do đợi não, dáng của kỳ ký chạy của ngàn dặm, lượng của mây mộng mốt của tám chín, khéo của đẻo bánh chừ dự định ai trao cái học của nhà hiếu thẳng, thật của ôm hủ chừ sắp tự rười vườn của trượng nhân.

Dáng của năm lạnh, non cao tuyết từng, lòng thanh bạch, trắng lạnh chuông sương, tròng ruộng lấy cơm, xuân nông của địa tạng, gương sáng chẳng đài, cõi đêm của Hoàng Mai, trên đầu trăm cỏ hòa thượng nhàn, mà nay xứ nào chẳng gặp gỡ.

Bản thể vô sinh, các trần huyền thành, tóc bạc tuyết tràn đánh, tròng xanh Thu tại sâu, khéo xúc không ngại, cơ dụng vượt tình, ngọc chạy chẳng lưu ảnh, hang rỗng lại ứng tiếng, im im ngồi lạnh chỉ tự chiếu, trời không bốn vách trắng canh ba.

Thần định khí bình, tâm không trí sáng, cơ đó lặng mà tự ứng, dụng đó rỗng mà chẳng đầy, đậm lạnh trắng rơi, đêm tạnh sông giảng, nổi trọn mất vị tổ, mượn công thành danh Phật, nhân duyên kiến lập đều như thế, cõi trần thế giới cùng chúng sinh.

Sâu thoi chưa bay, da dẻ chẳng nắm, hổ già tự vượn, lực mắt còn oai, đầu râu ổ sương tuyết, lưỡi má cơ sấm gió, khí mát thu cao sông Hán rộng, tạnh lạnh đêm trọn đầu ngư sáng, âm dương hào tượng, trời đất phạm vi, nhờ bạn lại vậy, cùng gặp ngộ hầu mấy?

Nhị nghi đồng căn, muôn vật một nguồn, cơ sống cõi của chốt lắng, tượng thành cửa của cái huyền, sâu mà chẳng tối, lắng mà như còn, dụng khéo xúc mà không ngại, thể chí hư mà không sọ, vết xera cửa mà cùng qua, đào lý thành lối mà chẳng lời.

Xuân của cây khô, buổi của Bàn Đào, thời tiết tự nhiên, chẳng phí tinh thần, ném mỗ hang phụng của đàn sơn, đạo đập bến rồng của đào

hoa, một cơ rành rành, tam-muội trần trần, vật của trong mắt mắt trong vật, trong thân ra cửa thân trong cửa.

Rỗng thông tánh tình, hang rỗng mà chẳng đầy, buông tan da ngực trọn nhuần mà chẳng ngưng, cái gì lại vậy, xúc xử tương ứng.

Mây gấm chiều tạnh, trăng ngọc đêm tỏ, diệu tâm không trú trú, huyền sự chẳng sinh sinh, khoảng trời mờ mờ chữ nhận mất, vết sáng lóng lánh sóng kinh yên.

Tĩnh lại lắng còn, triều lù về rã của san hô, trí theo dụng chạy phá phát nguồn của Côn Lôn, sáng đẹp cỏ cây dâng tượng Xuân, đêm tạnh cá rồng nuốt hồn trắng.

Núi hương nhạc chạy, sông rảo biển nuốt, thuyền nổi nước mềm có lực, nhận mất khói lạnh không vết, hai ba bốn bảy câu của truyền trì, trăm ngàn muôn ức môn của biến hóa, vẫy tay trao tay, biết ân báo ân.

Tiết lẽ lão toàn, từng lâm năm lạnh, cơ dụng ngàn biến thời sự trăm khó, ngọc qua lửa mà càng nhuần, sen đẹp nơi nước mà thường khô, cái lưỡi của đầu trâu miệng treo vách, bàn luận của đuôi trần lưỡi vạt nát, xúc sự không ngại chừ hư không khua kiếm, các ảnh chẳng dán chừ ngọc sáng lẫn mâm.

Tiết già hết phóng túng từng ngạo tuyết, chân trí chứng lý, rỗng ngâm mây, no tòng lâm mà trương sê bụng, thiện tri thức mà cao tài ngực, Xuân thành muôn vật chừ bình đẳng không tượng biển nuốt trăm sông, chừ tự nhiên có dáng.

Trí lắng dụng xung, đạo sáng thể không, thanh bạch chuyển sắc, sâu nhiệm mượn công, trong câu nhất thừa nào hồi hổ, trên đầu trăm cỏ lại xa thông. Nhìn của đầu hổ, dung của đầu trâu, vừa si vừa lưỡi, chẳng mưu mà đồng.

Thu của sông hồ, trong vào hai tròng, Xuân của cây cỏ, ấm sinh hai môi, đầu lâu dưới mây mất tự chiếu, trên viên thịt đỏ người không vị, cửa của được dụng, bám nghề theo thân.

Quán nhân duyên thân, lá chuối chẳng bền, ngộ đời huyền hóa rụng của cây cần, buông khí của từng lâm chừ, thời tiết Xuân dài, chia đèn của phòng kín chừ ánh sáng chẳng đêm, ứng vật hiện hình thấy nghe nhàn rồi.

Tiết cao vội mà lẽ của từng già, tâm không không chừ gầy của rể tre, khí của tuyết sương, thân của gò hốc, đi lại của mây nước, khuôn phép của tòng lâm, buông mở lại thấp cùng biết cũng không.

Mây thừa tiêu ở rỗng tạnh, mảnh trăng lên nơi chén Thu, sáng

trong hang hốc, ảnh hiện sông hồ, khác của trong loại, thù của trong vật, hổ sinh ba ngày ăn khí trâu, ngựa chạy ngàn dặm theo ngựa mẹ, thường âm có dùng, đức gần chẳng lẽ.

Thân của hư không chừ khắp mười phương, tâm của Phật xưa chừ vượt ba sáng, được đó mà giấu, cao thay như Thu chừ, trăm lượng tự mát, dùng đó mà thơm, sáng thay như Xuân chừ muôn tượng thành chương, đức hình ngoài kích đạo tại khoảng giữa.

Cõi cõi trần trần tùy ứng hiện thân, trăng của trăm sông, Xuân của trăm hoa, theo nghi tay mắt lệ, lại ai dám bàn đầu cốt bản, đạo giao đức gần, chủ chủ khách khách.

Ba đời hỗn dung, cứ xưa nay mà hợp đồng, sáu cửa biến thông, tại ngày nay mà mất công, thả tiền án bánh hồ, buông tay lồng bánh bao, núi Nam nổi mây chừ núi Bắc mưa đổ, Phật xưa bày trụ cùng kéo gia phong.

Tuyết lạnh một đầu, mây Thu nửa vai, vực lặn cây cong, trăng đi trời tạnh, chuyển công năng đến vị, mượn bạn lại vào triền, cơ dụng vậy lia hư khảm thật, biến thông vậy khôn đứt càn liền.

Vô minh mà sáng, vô sinh mà sinh, lắng then chốt sống huyền voi cái thành, tùy duyên ứng dụng tung hoành, khéo xúc cửa cửa tình không ngại.

Từ thân ra cửa tức vật khế thần, một cơ rành rành, tam-muội trần trần, gặp trường tạm rõ việc đạo đùa, hưởng đạo chẳng không người huyền hóa.

Tâm không quán thân, mát lạnh đối trần, xưa nay không vật, huyền khởi thành Xuân, động như mây trôi mà ứng, dừng như hang rỗng mà thần, cửa cửa tùy việc được tam muội, cơ dụng dọc ngang người chẳng đẹp.

Núi Thu gầy mà trong, Thu nước mồn mà sạch, muôn pháp tự đều quán, một tiếng ứng khắp, vật của vuông tròn dính hư không, tùy lại tùy cho thừa không dư.

Non lạnh dính tuyết, cây già ngậm Xuân, riêng linh mắt kiếp không, chẳng ngại thân miếng thịt, khô thiền ba rui chừ tự giữ im đó, chột sạch bốn vách chừ, ai quản nghèo đó, sum la muôn tượng căn căn trần trần.

Núi Thu mà gầy, nước Thu mà sạch, định gò hốc dáng của nghiêng què, bày chim vượn tánh của vượt lay, ly vi thấy suốt gốc cội, động tĩnh cần nghe rõ, dất lại trên muôn pháp nhìn, lại mất một đầu tơ thừa.

Tánh chẳng xa thông, cơ chẳng nhanh nhẹn, suy lười hẹp thấy

nghe, mau chóng mất dáng nhẵn, một điểm Thu trong chừ hoa phù dung nở, muôn thái sống Xuân chừ dây sắn dẫn tràn.

Râu tóc gợn xanh, hình dung vết lạnh, rừng Xuân đeo sọc tuyết, núi mây nhiễm sắc Thu. Ánh sáng một điểm chừ, trai có chứa ở hoa trắng, thanh tịnh tám dây chừ chim chẳng bay mà trời biếc.

Lại đó từ đâu, mây nổi non lẽ, đi đó đến đâu, trăng rơi nước lạnh, mà nay xứ xứ cùng theo đi, đích đích lẫn thân là tròng mắt, muôn tượng sum la cùng làm dụng, chẳng chịu ruồi bùn dán lỗ mũi.

Như khuê như bích chạm văn mất đức, như mây như đá cứng nhuần là thức, trúc xanh vô tâm sắc năm lạnh, tùng già có ngạo lực tuyết sương, chiếu phá các duyên chừ hai mắt như sơn.

Khí vũ chợt rơi, tinh thần tiêu tán, trần kiếp ngồi không, đời đời ở rồi, nhàn nhàn nhạt nhạt mây cây khô, giọt rười rười mắt thông thân, sum la muôn tượng đồng cảnh, chớ nói cá nhân vác vác.

Núi lạnh bày gió cao, nước gầy vết cát, kiếp không phải đến đây, diệu dụng chẳng theo căn, tông phái ai truyền y bát, nhà người tự có cháu con.

Trong như tùng tre tuyết, rỗng sáng Hà Hán thu, tâm sâu tiết già việc năm lạnh, ẩn buồng giường hồ dạo im im.

Núi lạnh cốt gầy, rừng tuyết khí trong, muôn cơ nghĩ vót, một điểm ánh sáng, linh đó chẳng thể tưởng tượng, diệu chẳng thể đặt tên im tựa bồ đoàn ngồi trọn ngày, người nói lúc nào chẳng thái bình.

Một mảnh tâm rỗng, mười phương lấp đầy, luật Xuân hành chừ phát hoa, gió Thu thấu chừ rơi cây, ai điều ai chặn, chẳng tổn thương chẳng xúc chạm, muôn tượng đồng tỏa ánh sáng, thái hư đều không cốt cao, trùng quy củ chừ, Đông Tây Nam Bắc.

Mây mất khe Thu xưa, râu tóc hang tuyết lạnh đi lại từng lâm ra thân, xúc động dây sắn sinh lười, phe phẩy nắm tay phá ải đánh tiết, mốc biến báo mà cỏ cây sáng, sấm đui muối mà đá núi rách.

Cân của nhẹ nặng, soi của đẹp xấu, rành rành loại mà chớ bằng, đích đích lẫn mà chẳng lạm, thân đời nhàn nhàn, tình ruộng nhạt nhạt, nước Thu lẳng lẳng, cò sông lồng bông, một chấm thấu đáy chừ từng lâm nguồn thẳm, muôn hóa tiến lên chừ dây sắn cành lan.

Nhìn vật mất sâu, nói thiền miệng lẹ, một chấm chẳng dính hư không, muôn hóa ai phân khí giới, ứng các duyên mà khoảng sáu căn, vào các trần mà trú tam muội, nhỏ đó không trong lớn đó không ngoài.

Cây già Xuân nào muộn, núi lạnh Thu rất sớm, vực im có chốn đẹp, lẳng còn trước trời đất, tĩnh mất chỗ trú, động giải theo duyên, lau

vàng trên hoài bờ Đông Tây, trắng sáng đầu bến thuyền Nam Bắc.

Gầy mà lại già, cây lạnh chưa Xuân, lẳng mà càng sáng, đầm xưa có trắng, trời xanh xanh mà không không không khuyết, mây nhàn nhàn mà chợt ra chợt vào, nhị nghi đồng căn, muôn vật một thể, chớ phân các duyên đây kia.

Mắt sâu mày dài, miệng rộng mặt vàng, trăng Thu phá sắc đêm, khe xưa ngậm ánh sáng Thu niệm nấy tự được tượng hiện ẩn, công chuyển chẳng rơi phương lệch chánh, nhón dậy năng lại ứng có dụng, kể xoay xúc xử bày rành rành.

Im mà chẳng ngưng, chiếu mà chẳng lưu, quan hệ hư mà sống, cơ luân chuyển xứ sâu, mây nhàn nhạt mà không mưa, nước đồng trong mà có Thu, cần đem bình đẳng một tướng như, dán tại đầu sum-la muôn tượng.

Núi béo ôm mây, nước sáng rửa trăng, động theo thiên chánh lại qua, tỉnh thấy ly vi hiện ẩn, được cội nguồn của muôn tượng, biết hang hốc của các duyên, cùng theo lại vậy, chẳng sót mảy may.

Trán cao cốt nổi, mắt sâu tàng thần, các duyên hốt hợp, một im thật ngon, tự được hỗn thành vật ngã, ai năng bẻ nát căn trần, chẳng lại mà lại chẳng thấy thấy, hiểu mới biết âm thượng nhân kia.

Tóc bạc nữa núi tuyết, tròng xanh hai mắt Thu, đích đích y trong vòng, miên miên đạo ngoài phương, hư không nói pháp nào cần miệng, muôn tượng sum-la tự gặt đầu.

Im im mà đạo, như như mà nói, cá lợi đáy khe Thu, hạc mộng trăng đầu từng, đại trí mà ngu chừ, đại khéo mà vụn.

Lông đầu như hơi bạc, khuôn mặt khá là béo, từng lạnh nghiêng què chừ tuyết tại đỉnh, núi khô sọc gầy chừ Xuân thêm áo, ngồi giường nắm gậy, mây rống chớp bay, vết sáng đã bày vậy là ai thấy ư?.

Tóc râu già bạc, mày mắt cùng sâu, sáu cửa lạnh soi tuyết, một điểm lạnh sờ Thu, nơi khô dính gót trong ồn chích đầu, chốt lẳng cơ sống chừ toàn bụng toàn thân.

Mũi tợ cắt ống dài, mắt như chấm sơn sáng, ngồi giường cầm gậy chống, Hà Hán đêm lại sương, mây núi xanh xanh nước trời mênh mông, mắt Thước-ca-la ba góc, thân Thuấn-nhã-đa mười phương.

Mặt mắt gió sương, thân tâm ánh Xuân, dùng thủ đoạn của giết sống chính giềng mối của tông tổ, thu sinh nước đồng cá ngậm ẩn, trăng tại từng lạnh hạc mộng dài.

Cơ phong chẳng bén, thần quán chẳng trong, một chấm sau tro lạnh ba thừa gọi chén nóng, lịch đại Tổ cổ họng nắm chắc, mười phương

tâm thủ đoạn buông đi, gió Xuân cắt cắt chừ vật tượng ngời ngời.

Diệu của ngậm im. Vốn sáng tự chiếu, chân của soi vật trong mắt có gân, nhanh của hơi ra, đầu mũi có lỗ, căn của thấy đạo, yếu của đức tượng, xử xử tương ứng chừ chẳng thừa chẳng thiếu.

Tình thái khoảng mây, thân tâm trắng lạnh, lỗ mũi nhanh ra hơi, đầu lâu trơn rỉ khô, vẫy rồng đạo đập chừ mưa đổ sấm rống, côn bằng biến hóa chừ, biển chuyển gió đánh.

Diệu xử khó truyền, sáng sáng trước tượng, sáng ngưng trăng tuyết, Thu liền nước trời, trăm ức phân thân tùy ứng sự, lại hiềm xử nào chẳng chu toàn.

Tóc bạc non tuyết lạnh, tròng xanh khe Thu xưa, thân tâm trắng sáng sờ đất ruộng, Hà Hán sương trong tẩy đầu ngư, biết vàng thau dùng chày móc, muôn hóa khu phân đầu gậy chống.

Lắng ngời giường hồ, khoảng nắm gậy chống, chánh niệm cắt tơ có, dấy nà không kỷ lưỡng, châu xoay trong mâm phỉ thúy, trăng tại trên cảnh san hô.

Lúc im nói lúc nói im, mây trắng không định tâm, núi xanh có cốt lạ, nửa đêm trăng đời chừ thổ già đầy, trăm sông sóng lạc chừ kinh lớn mất.

Người ở núi, bình sinh quen bản, lạnh khô cốt xanh chướng nhàn nhạt thân mây trắng, đầu cây không ảnh chừ bày hạc mộng trăng, chẳng nẩy trên cành hái Xuân hoa ong.

Riêng người đó khuyết tinh thần, gia phong trời xanh mất bốn vách, sự nghiệp mây bạc khoảng một thân, bến của khe xưa, Xuân của cây khô, nước cong bể mà về biển lớn, hoa lần mà đến giờ thơm.

Im im mà ngời, Phật Tổ khám phá, người lạnh cá lặn, trời không chim bay, nửa đêm mất trâu, bình minh lấy được lửa, chợt cuộn chợt, buông không thể chẳng thể.

Tướng đầu nạp tăng, chẳng thể hưởng gần, cú mà dưới chín vực, ngưỡng mà trên lớp mây, dùng pháp giới là cương, dùng hư không làm lượng, trong chợ ôn Thích đề hoàn nhân, đầu trăm có Hòa thượng Câu Chi.

Gia phong ta đến cùng mà thông, báo biến văn mà sương nặng, rồng lụi cốt mà đầm không, chỉ Nam vẽ Bắc, nói Tây nói Đông, gặt đầu lay tay, giả cuồng đối điếc.

Lông đầu suy bạc, tròng mắt lạnh xanh, miệng nhàn năng nuốt Phật, hư không biết giảng kinh, gương xưa ra hộp, thái a phát ra từ mài, buông được không nương, dụng được linh.

Ứng hiện ban ban, đầu không khác mối, ngày Xuân hoa đẹp, trắng sáng nước lạnh, ranh vuông bốn góc đất giường, châu tròn một hướng lẫn mâm, trình tợ biết cùng chẳng biết, xin ông chóng dán mắt nhìn.

Sâu sâu chìm chìm, tâm chẳng thấy tâm, lý mất ẩn hiển, diệu vượt xưa nay, máy gấm tơ qua chặt không vết, khe ngọc nước trôi lạnh có âm. Bọn hện Hàn Sơn và Thập Đắc, vỗ tay vừa cười lòng thanh thản.

Động như mây ra núi, dừng như thân ở hang, không tâm ngàn thứ dụng, có ứng mười phương chân, thông hơi cùng phiến lỗ mũi, nói thiên chẳng treo miệng môi, ai biết ý trong im im ngời, nuôi lớn hoa đàm Xuân ngoài kiếp.

Tĩnh mà thân, im mà chân, tắc vuông tuyệt bốn vách, đại thiên thành một trần, nhón lại bên đầu trăm cở xem, mêng mông hoa hoa lá lá Xuân.

Dáng yếu tình khô, khoảng mây trắng lẻ, ảnh tượng các căn cơ, trăm ức phổi ruột không, đầu rắn độc ít người gãi ngứa, miệng hổ dữ ai dám vuốt râu, có lúc biến thái chừ chớp cuộn sấm xua.

Im im công phu ruộng tâm tự bữa, meo xanh đầy trên môi, bần đảo thừa lỗ mũi, Thiếu Lâm nào từng nói năng, Tào Khê chẳng biết văn thư, ai nói mảnh khóc lẫn vụng về, tự tin gia phong vậy chẳng xa.

Lắng mà chẳng lẫn, diệu mà còn hoài, nước Thu nào sắc, mây đồng không chân, nửa đêm trời không Hà Hán sạch, thổ già rửa tẩy hồn trắng sáng.

Vẽ ra vị tăng, lạnh nhạt bất tài, lặng lẽ cày ruộng đất, ra sức bữa dây sắn, vào biển trâu bần tuyệt im tức, qua sông thổ trắng có góc sáng, dẫn đi trong trần thành hóa sự, lại hiểm xứ nào chẳng tương ứng.

Im giữ lạnh khô, tâm tâm thấy mối, lưu ly giếng Thu thấy lắng lắng, san hô cảnh trắng ảnh tròn tròn, đầu lâu mắt sống chừ vọng thức rỉ khô.

Tĩnh mà không tượng, động mà không công, lắng chừ nước dưới Thu, ứng vậy gió đầu cây, khắp nơi tùy duyên thành Phật sự, vượt tình chỉ cái thần thông đó.

Nhìn đó là mọi, nghe đó gọi hiếm, thật sắc thật thanh, nào phải nào quấy, Xuân núi nhuận mà mây nổi, Thu nước lắng mà trắng về, thấy nghe đoạn vết mà bên biến hóa, công huân nơi chuyển mà trong hết huyền vi.

Hai mắt biếc, một mặt vàng, đầu lưỡi chẳng khua lỗ mũi khó giấu, thổ già lặng đùa phách, linh tê thông được sáng, rành rành cơ cảm chừ nào cần tư lương.

Vạch gió chừ gò cao, đũa trăng chừ thuyên rộng, một thân chẳng ngăn chừ, thời tiết thái bình, tám dây vô ngại chừ thanh bạch ai bằng.

Động của khoảng mây, chảy của nước đồng, thể bình đẳng của muôn tượng, xong một thân mà tự do, cơ luân không kẹt chừ đẻo cán cùng gieo.

Hoa năm lá, mè ba cân, ngoài không góc cao chừ trong không mầm yêu, tên đá chẳng phải hổ, rượu cung chẳng phải rắn, mắt của ngàn dặm chừ, sai của hào ly, được chẳng nghĩ bàn chừ, tự gọi sĩ của một khúc, trông tuyệt sườn bờ chừ người gọi nhà rộng lớn.

Lời im im, như như dứt lo, nước đồng có Thu, khoang mây không mưa, mười phương ba đời chừ, vô ngã an bài, sáu đường bốn loài chừ chẳng ngũ phải tôi hàng.

Trí cực thì giấu, lạng cực thì sáng, rung của sấm tiêu tụy, thơm của hương dương, chiêm vật báu mà mắt man biếc, sửa râu hoa mà ong ùi vàng. Trúng quy trúng củ chừ chọt tròn chọt vuông.

Một khoảng thanh hư, mười phân minh bạch, mượn chừ là công, chuyển chừ chẳng sắc, trời che đất chở chừ, thể đó có thừa, sấm rền chớp ngăn chừ dụng đó chẳng lường, lúc tình chưa sinh làm sao cách.

Thấy suốt đáng đó nhón ngay láy núi Ấn, ảnh lưu tâm soi, trí vào vòng đạo, Sư rỗng chẳng nghe mà tiếng đó tự khắp, lia son chẳng rõ mà sắc đó chẳng lặn, một chấm tự nhiên chừ, khéo vượt quá vị hiện tại, mười phương bình đẳng chừ toàn gồm trong ngoài khoảng giữa.

Xa đó chẳng chân, truyền đó chẳng thân, được mà không được, thân mà không thân, thể ly vi trí của chiếu suốt, vốn che chở nhân của sinh thành, ra số lượng của một hai ba, đồng phân thân trăm ngàn ức, dụng càng sáng vậy mắt của trong vật, khí chuyên diệu vậy khách của trong chủ.

Trăng của đầm lã, tuyết của núi xanh, thanh bạch gia phong linh minh sự nghiệp, trời Thu sạch không vết, mây đồng nhân chẳng cùng, như nay hỏi bằng quan tạm nói nhìn hàng lối gì?

Trước tượng của thể, tự nhiên của được, tâm không có dùng, đạo lớn ai truyền, cóc mặc cây san hô, trai chứa vục minh châu, khảy móng phân thân chừ ba ngàn đại thiên.

Sơn chấm hai mắt, tuyết tơ nửa đầu, ủ rử mất đôi nơi chuyển lại sâu, một loại cao nhân chừ, mây thừa thấu tận, mười phương thanh bạch chừ mảnh trăng sờ Thu.

Chủ của núi xanh chừ thể vốn bình đẳng, khách của mây trắng chừ dụng năng tự nhiên, ứng có thừa chừ thân chẳng thể lường, được

chọn đó chừ, điệu chẳng thể truyên.

Núi Thu cốt gầy, nước Thu thần trong, tùng non lạnh càng xanh, trắng khe đêm lại sáng, linh nhiên cây cong ngổi chẳng nói, bốn biển chín châu đều thái bình.

Mặt mắt lạ lùng, khí vũ sâu trong, trắng khe đêm bạc, tuyết tùng lạnh sáng, thân của thuận nhĩ chừ ai trước ai sau, mắt của Thủ-la chừ chẳng ngang chẳng dọc, cùng theo lại vậy, nước trôi bình nổi.

Trời xanh xanh mà giữa mây, nước sâu sâu mà trắng lạnh, một điểm điệu tự được, buông thả bốn biển dùng sao hết.

Râu tóc rử bạc, da mặt nhạt vàng, trà tỉnh mắt ngủ cơn đỡ bụng đói, tình nông nhàn tự rộng, tâm địa sạch mà sáng, mây Thu mưa sông núi, trắng sáng sương Hà Hán, môn môn được dụng mất cơ giới, cái việc vẹn mười ai che giấu.

Tóc bạc mà già, mặt vàng lại bệnh, cùng căn của địa thủy hỏa phong, được cán của thấy nghe hay biết, một khí chuyên diệu, các trần khéo ứng, nguy xú mà hay quật trần mà tốt, hết thuốc đại địa, rõ tri phương điều hòa, thân khắp hư không biết duyên tánh của khởi diệt.

Tĩnh mà chẳng rối, hoang mà chẳng vắng, gò hốc thân tâm mê nai cộng, sông hồ trắng gió cò trắng phân.

Tướng của toàn tâm, tâm của toàn tướng, tả thành cái ấy, liền ứng mà nay, trời xanh xanh chừ chim trắng mất, nước sâu sâu chừ cá hồng lặn, trắng câu mỗi mây, chỉ ngọc kim vàng. Các việc lo liệu chừ, khéo ra oai âm.

Phải chừ chẳng phải, riêng chừ chẳng riêng, nước lạnh chứa Thu, núi lạnh đeo tuyết, ấn gia truyền chừ khoảng giữa không vắng, kim thường sử dụng chừ hai đầu không lỗ, thân của đạo đời giữa mây trắng, miệng của nói thiền ngổi Hà Hán, tự nhiên tùy thuận nhân duyên, hưởng đạo chẳng trái thời tiết.

Bạc của tóc chừ núi cao tuyết sớm, xanh của mắt chừ, khe cũ Thu trước, trắng tỏ rõ chừ tự có sáng thông tê giác, cỏ xanh xanh chừ ai năng đề cứng đầu trâu.

Sọ trán cao lỗ mắt sâu, thợ vẽ chẳng biết, ai là tri âm sông hồ rõ rõ chừ trắng lại có phách, gò hốc nhàn nhàn chừ mây tự không tâm, mấy xứ gặp nhau chẳng thể gọi, áo tươi nón lá bán vàng ròng.

Khí vũ rỗng rang, hình tượng khô cần, một chấm phủ triệt linh, muôn năm bình không kiếp, dưới cửa Thanh Nguyên biết sừng lân, đầu giường Hoàng Nghiệt vượt râu hổ, trong chết lại sống chừ, trong sống lại chết, trong không lại có chừ trong có lại không.

Sân trời thoáng mà tổ tông sáng, gác đất rộng mà con cháu thịnh, khoảng giữa lỗ mũi, nhà mình thấp, ra hơi thông khoái lẫn chẳng ngăn, khôn sáu ngăn cản ba dài, no kẻ từng lâm nghỉ mái vàng, năm nay tìm ăn hai lá dâu.

Tròng mắt Thu tỏ rõ, tóc đầu tuyết dài dài, cơm bít da bụng no, trà rửa lưỡi má ngọt, nhà hẹp có sắc, cơ sự không kham, bò trắng lại biết có, mà nay giằng co hết si ngu.

Miệng của Tỳ-lô ồn rầm rĩ, thân của Phổ Hiền nhàn bay bay, lý không chẳng đủ, sự chẳng cùng nhiều, thuyền nhỏ chầm chầm khói nước nổi, liễu mềm rủ rủ ánh cầu trúc.

Nào cần danh cao của khôi đầu, chẳng tại hào khí của núi sông, có miệng treo vách, mắt trâu tấu dao, dọc ngang Phật dựng, phân tặc bầy con.

Mây nước tánh điều, từng lâm khí cao, da bụng buộc cột, bản răng sinh lông, thân mười phương dạng hư không buồng, gạo hai thăng đầu gây chống khê.

Bờ lạnh liễu suy, biếng lưỡi nhìn si, ngôi ổn thật qua kiếp, tâm không Phật là ai, sáng mà rõ diệu, nhỏ mà vào lia, trời trong Hà Hán rộng, sương lạnh chuỗi đầu rữ, nhờ bạn mà lại ứng cúng, phân thân tại xứ thành quy, bên đầu trăm cỏ Xuân mênh mêng, lời của hoàng anh đối cảnh hoa.

Cốt của hang hốc sâu mà lớn, khí của ráng khói ấm mà dung, im đó mà thông, ứng đó mà xung, mây đổ ra hang, trăng tạnh trôi trên không, mười phương ba đời chừ Nam Bắc Tây Đông.

Mục tiêu của thanh bạch, trang nghiêm chẳng tiêu, Viên An nằm tuyết, Hứa Do bỏ bầu, chẳng nảy trên Xuân um tùm, dưới cây không ảnh Thu quạnh quẻ, nhờ bạn vào triền lại mua bán, gặp nhau chớ lạ chẳng tha nhau.

Mây mắt đất đá, thân tâm lặng lẽ, muôn cơ tự dứt một điểm ai tham, hư không chừ mây tạnh cuộn hang, thanh bạch chừ trăng đêm rửa đầm, Xuân vào từng lâm chừ đối nói hóa công trăm ức, thần đạo kiếp rộng chừ, cái ý thật vượt hai ba.

Mũi thẳng miệng rộng mắt sâu mày thấp, đèn liền Thiếu thất phái tiếp Tào khô, vừa đứng lộn chẳng được, rành rành loại chẳng đồng, vỗ tay chung nói, dốc lực dất nhau, gió Xuân man mát gió Thu lành lạnh.

Tóc bạc mặt vàng mũi thẳng miệng vuông, mây nước tinh thần già, tông lâm khí vị lớn, rấn xanh lúc bày sao tỏ rõ, chim trắng nơi mắt khói xanh xanh, ẩn không có cứ, ẩn bùn thành chương, nhà nhà trước

cửa cây bách con, đầu riêng Triệu Châu năng đối phát.

Hai hạng sâu đẹp hai mày rử thấp, mặt mắt nghiêm lạnh, thân tâm dull cũ, mây nước đạo mâm, bình thường mộng hành cước, từng lâm vắng im, trú trì ba mươi năm, cùng Hà Hán ở đỉnh của Côn Lôn, nguồn vực thân đến, nhón chuỗi đầu ở ngoài của hỗn độn, Phật tổ còn nghi, biến thông chẳng mệt, thi vi tùy nghi, hưởng đạo cõi trần cơ dụng ẩn, lại hiềm đá lửa chớp sáng chậm.

Tóc tuyết suy bạc mà ngày Xuân dài, mắt sáng lạnh biếc mà sóng Thu dâng, đượm của sắc hoa ong mật bận, mộng của bằng vật mà hồ điệp cuồng, thể không ảnh hưởng, cơ động âm dương, đước ngọc tĩnh điều sự nghiệp trời, gió un vạch phẩy văn chương nước, các trần tam-muội phân thân mười phương.

Mắt ngang mũi thẳng, khí trong xương lạnh, ngoài tay mắt ứng lược vàng mau, trong thân tâm hồ ngọc chiếu bình rộng, cơ tơ giao dệt chừ, hoa Xuân tấu nhạc, cùng vật ngang bằng chừ mộng điệp tròn tròn, tánh quen suốt rừng, thân tâm tin duyên cầu vòng dài Thu mưa chiếu tuyết dựa trời, đầu đầu vật vật tùy nghi nói, cỡi cỡi trần trần mỗi trú thiên, khéo xúc không ngại, huyền thành tự nhiên.

Không nói mà nói, im suốt nguồn đó, không dụng mà dụng, hư chứa động đó, cùng thông của hang lý, biến động của trí cơ, chiều tà bãi châu cò trắng thề, ngày đẹp vườn rừng hồ điệp mộng.

Công chuyển kín giấu, tìm dấu vết mà vô phương, ảnh hiện càng rõ trải nhân duyên mà có thường, thân phân khắp cõi trần, lưỡi chống Phạm thiên lớn, tâm tâm chẳng chạm Bồ-đề dụng, pháp pháp không nương ánh sáng Bát-nhã.

Mờ mờ mà giác, toàn chân tuyệt học, miệng biến tự nuốt lưỡi ngựa phải thụt, vườn lộn có sáng chừ thai của trai già, không đồng không vật chừ mai của rùa khô, các việc mà cùng thông, làm nhà chẳng nếm mỡ, nói ra khoa mẫu dùng không góc cao, từng lâm cười nhìn mặt nhau vậy, héo héo gầy gầy ba gầy đánh xoay đầu vậy hẹp hòi cần nhẫn.

Tinh thần khỏe mạnh, hóa công mẫu thường, ta chuyển một cơ ai trì sáu soi, phải quấy sinh mưu của đoạt ngọc, trắng đen đánh chiếu của Lạng Kha, tạnh rộng mà sông giảng, đầm không mà trăng rụng.

Tánh được nguồn vực, cùng thông tự nhiên, đầm lạnh rồng lột cốt, từng già hạc thành tiên, không tâm mây bạc ra núi, có ứng trăng sáng nổi sông, gặp nhau nhờ bạn đời nhân gian, đạo đùa trần trần duyên tam-muội.

Tóc râu suy bạc mà sương tuyết càng sâu, da dẻ xanh già mà từng

quế mở nứt, hơn bốn mươi năm mà cùng thông một điểm, trăm ngàn tam-muội mà dạo đùa các trần.

Mảnh trăng tại nước mây lẽ ra núi, tĩnh đó mà ứng, động đó mà nhàn, trong thể chẳng muốn toàn bày, xứ dụng chỉ nhìn một ban, lớp lớp lầu gác cửa mở vậy, Di-lặc chẳng cần nhẹ tay khảy.

Cốt của đất đá chừ núi gầy, dáng của đẹp đẹp chừ nước béo, tâm không trú mà lại lâu, đức có gần mà chẳng lẽ, hư không nói pháp đá ngu lắng nghe, cùng kéo chứng minh lại rõ rõ, nào phiền Phật tổ phí công phu.

Râu tóc suy tàn, núi không tuyết lạnh, mây mắt trong nhạt, nước đồng Thu về, một niệm muôn năm rõ trần kiếp, mười phương ba đời đồng chánh quán, phỉ thúy trời tạnh mà trong hư rỗng suốt, san hô trắng biển mà sáng chiếu sóng trào, hiện hình nói pháp ứng cơ cảm, cười chỉ câu chi đầu trăm cổ.

Ngoài kiếp đạo thần, trong hoàn khế chân, u linh tự chiếu tuyệt học làm gần, biển lưu ly biếc, trăng nửa đêm, cây san hô đỏ Xuân năm dài, một hơi luôn dụi hòa quang đồng trần, tâm tâm chẳng chạm việc nạp tăng, vật vật không riêng thân cõi nước.

Tĩnh đó chẳng tối, lắng đó như còn, động đó chẳng lẫn, dụng mà mất vết, vào thấy căn của ly vi, ra dạo cửa của huyền hóa, xích thủy nên mất voi mà ngọc được, nghề của bồi bếp mới mất trâu mà dao chạy, trăm sông trưởng biếc, ba trăng hồng nhiều, biển chẳng mất ở tinsống, hoa tự được ở ân Xuân.

Mây trắng không rẻ, núi xanh có góc, tự được một câu khéo ra ba thừa, hòa khí mà Xuân hê trăm cổ, ánh sáng mà chiếu nổi ngàn đèn, vực lắng tâm truyền chừ Phật hiểu, gia phong riêng hứa Thiếu Lâm từng.

Im mà chẳng ngậm, nói mà đối bàn, Tu-bồ-đề tuệ không rànhrẽ, Kiều-thi-ca mưa hoa dài dài, lại cùng cõi trần phân tay mất, nào ngại cơ dụng thấy dùi kềm. Cá nhân tự được cổ Phật đồng tham.

Mây không tâm mà chẳng buộc, hang có ứng mà cùng nghi, lắng ở thông cảm, tròn sáng rõ biết, tánh rộng rãi mà biển có nhận, khí đột ngọt mà núi không đời, trăm năm chỗ thân sau cần vật, hỏi lấy Nam dương quốc sư Trung.

Hình suy dáng lão, trúc gầy từng xanh, đồng ăn phụng đan sơn, mây ngậm rỗng cây khô, đối cơ lấy gì đáng gương đài, gõ ứng vừa như tùy dùi chuông, rõ không một vật trả cối là ta.

Thầy của ngu đốt, dáng của khô khan, núi lạnh giọt dãi mắt già

sinh ghen, ngọc ân đá làm củ, châu dưỡng trai làm quy, ngấn dài cành hoa Xuân thứ lớp, Đông Tây sóng quây trắng cùng theo.

Tóc tuyết râu sương, Thầy non xưa ngồi lạnh mắt không kiếp, cơ sống mảy rụng thời, Văn-thù tựa ngã Duy-ma-cật, Đế-thích ngưỡng tán Tu-bồ-đề, như nay ăn cơm đi xuống nhà, ai dám nhàn nhĩ khinh bậc đá.

Thu sinh lông my, mây chứa tóc đầu, thấy qua lại của thiên chánh, được ẩn hiện của ly vi, khoảng khoảng mây của tạnh mưa, rõ rõ trăng của rửa sóng, cùng theo lại vậy vào các trần, khéo chạm môn môn tự siêu vượt.

Tuyết của núi xa chừ lông tóc suy bạc, Thu của hốc lớn chừ góc mắt lạnh biếc, mây nước gan mật chừ đèn của đời Phật, từng lâm sự nghiệp chừ mạch của Tổ tông, thoi rỗng cơ gấm dao vàng thước ngọc, các trần tam-muội chừ trả ta tự do, nhị nghi muôn tượng chừ cùng vườn bằng ra.

Ngàn năm hơi ấm, hổ phách rể từng, nửa đêm sáng nuốt, san hô hồn trắng, hổn độn đục mở, đức vân xuống đánh của diệu phong, Côn Lôn xô ngã, trương khiên tới nguồn của bến thể, mây của ra núi ý hàn rồi, nước của mang khoa dòng thế chạy, các trần rành rĩ, tam muội môn môn, khéo xúc ứng duyên lại ra ngại, thành nhà sự nghiệp giao cháu con.

Hình của trời cho, trăng ngồi sông rộng, nghi của đất cho núi cao nước thấp, hoa đèn liền có cứ, đào lý im thành hàng, mười phương ba cõi đời lẫn chẳng được, muôn tượng sum-la loại chớ bằng.

Không của trời chừ tinh đầu lạnh, rụt của biển chừ triều sóng về, cóc đẩy trăng dừng ba cảng, báo của dưỡng mốc nhìn một ban, nhón ra cửa cửa hỏi cùng biết, tri am gặt đầu ứng chẳng xan.

Thật thấy không hình, thật được không danh, toàn vượt ảnh hưởng khéo ra trần tình, đêm lạnh sương thấm mà đầu ướt, trời không tạnh rộng mà sông giăng, không trú mà trú, không sinh mà sinh, theo nhau lại đến gần cửa cửa, lầu gác chốt mở tiếng khảy tay.

Tùng già có cốt, trúc gầy không thịt, tóc tuyết phủ đầu, mảy sương ngồi sáng, Tu-bồ-đề ngồi không mà đàm, Duy-ma-cật cuộn biện mà im, nhón lại xứ nào chẳng gặp gỡ, mặt trời Phật chừ mặt trăng Phật.

Trúc lạnh gầy dài, tùng xanh già cứng, thân tâm sắt đá, gan mật sương băng, trời Thu lặn xa liền nước, khách nhận mờ mờ mới mất hành, chẳng lại nhờ bạn, tùy sự thành chương.

Vẽ ra hình dung lão tăng đáng ghét, Thu xanh mắt tuyết điểm góc

mày, ngực thứ có gò hốc, miệng đầu không dây sấn, công quên tự cứ tòa Bồ-đề, chiếu khắp ai truyền đèn Bát-nhã, nhờ sáng thi vi, vừa đứng tương ứng.

Thầy của thiên đồng, đánh tuyết cầm tơ, ba cật kế ở núi, dây lẽ lúc ngang gối, đậm lạnh Thu đến sớm, không rỗng trăng trôi chậm, dất dậy tông gia ấn không chữ, cửa cửa xứ nào chẳng thích nghi.

Im mà tàng, diệu mà sáng, vòng trăng hẹp, chuỗi đầu dài, đỡ lại cỏ cây Xuân đượm lộc, đoạt đi sông núi, sương rơi vàng, nơi thích đáng tự nhiên thành chương.

Thân của mây nước, người của từng lâm, lông mày dài che mắt, lỗ mũi thẳng khinh môi, nhàn nhã tây viện hai tiếng sai. Mau chóng Vân Môn một đường gần, chẳng chịu cắt thành trả đoạt ngọc, Tương Như can đảm đối đầu Tần mạnh.

Cao vót như thế, lẳng còn trước tượng, tào khê mờ giảng vẽ, Thiếu thất lại im truyền, thể chẳng giấu mà rành rành, dụng chẳng siêng mà miên miên, được vầy sừng chừ chân đầu đá, vượt râu hổ chừ, Lâm Tế điên đầu khoảng rừng, trên vách như nay lừa chống dậy, tri âm tự nhiên nghe nói thiên.

Sự chẳng tại dung, trí chẳng đến tông, đọi mây sấm mà đào vách sâu thoi, trao y bát Lô-lão trốn cõi, tê thông trăng nửa đêm hạc mộng từng ngàn năm, tóc trắng dáng xanh lão què gãy, thời nhân cùng cười chuông rỗng già.

Hình của cây khô, linh của thần hang, nước lạnh nhìn sắc Thu, trời không duỗi sao sớm, một điểm tâm sáng chừ gương chẳng đài, đại thiên quyền ra chừ, kinh phá trần.

Nguồn dưỡng mà thắm, đèn truyền chưa tàn, chiếu phân sáng rõ trôi chảy gợn sóng, tạm thời lại suy kém, việc khách đâu khó khăn, trên Xuân đốt sẹo, lộc sinh đầu cỏ, không tâm làm nhuận mây dạo núi, có ứng chẳng lưu ngọc lẫn mâm.

Chẳng phải nơi nghĩ lường, không trú mà trú, lúc lia danh tượng, chẳng làm mà làm, hương tượng bơi trong định, cóc lạnh chiếu lại đời, thế gian rành rành tương hư không, việc người rộp rộp mây hỗn độn, câu tham no làm sao nêu, cớm xong sờ xoa cật da bụng.

Ra vào ly vi, cơ của thiên chánh, biến thông động tĩnh cán của giết sống, bay chảy điện lửa chừ, giữ oai quyền của Lâm Tế, nắp dậy càn khôn chừ, được hiệu lệnh của Vân Môn, cùng theo bên đầu trăm cỏ, vừa đứng mới không thiếu thừa.

Rõ tâm phi tướng rõ tướng là tâm, cao cầm mộng cây hổ phách

lạnh, trăng biển sáng chiếu rừng san hô, bóng lay gió trúc vang phát chày Thu, muôn tượng sum la đều diễn nói, trên non Bảo Đà có tri âm.

Lạnh nhạt nương nhau, thanh bạch trú trì, Thu giảng hai mắt, tuyết phủ đôi mày, thỏ già đẩy trăng Hà Hán rộng, nhận khách mất khói tinh đầu rử, cùng thông có tự, cơ dụng thua ai, tiêu được mà nay một nháy, chẳng cần riêng gọi Sa-di.

Im im thần lắng, vời vợi khí trong, trăng của Hà Hán rục rờ mà chẳng đêm, gió của kiêu gia lạnh lạnh mà có tiếng, gặp nhau bèn nói lời vô sinh, muôn tượng sum la chứng minh.

Đền Phật chưa lạnh, hoa tổ chưa tàn, truyền đó nay đến người, sự đó vốn lại khó, tòa phải các pháp không làm câu, kinh tại mảy trần phá xứ xem, mà nay trình tự chớ nói khinh nhau.

Khéo ra danh tượng, phi tâm phi tướng, hỗn dung xưa nay là tướng là tâm, tóc bạc sớm sương dày, mắt lạnh nước Thu sâu, gởi lời hình núi cây gậy chống, mọi người cùng bạn làm từng lâm.

Biết được vốn chân, chẳng theo sinh diệt, mây tạnh xoa không, sóng Thu rửa trăng, trên đầu có cốt, đáy mắt không thịt, trăng phân bóng theo dòng, tâm nhân mây ra cốc, muôn duyên tròn ứng chừ rộng khắp đại thiên, một điểm linh hư chừ im chiếu sâu riêng.

Mắt lạnh mày dài, mũi ngay hơi lẹ, kia kia thường bất khinh, nhà nhà quán tự tại, lắng sáng mà không giữa, diệu dụng mà không ngoài, ai sợ cục thịt ngại thế giới.

Trí sáng mà tàng, sạch cùng mà sáng, rắn bốn đại chẳng độc, khỉ sáu cửa chẳng bận, nhân duyên vẫn khéo ứng, cơ dụng càng tốt dài, thăm mặt gặp nhau ngoài nghĩ bàn, tự nhiên tùy xứ bày rành rành.

Im mà sáng rỗng mà chiếu mượn dụng chẳng tiếc, hợp thể không điếm, trâu đá nằm mà núi xanh lạnh, ngựa gỗ hý mà trăng sáng sớm, có những người, gặp nhau vừa tốt.

Tuyết rửa non lạnh chừ núi rừng khí trong, Thu sinh khói nước chừ sông hồ sắc sáng, như gương sạch chừ đối các tượng, tự hang rỗng chừ tùy các tiếng, đạo đùa nhân duyên dụng tam-muội, tự nhiên chuyển xứ chẳng lưu tình.

Mày mắt rõ ràng, gió liễu mềm xanh, tim mật thuần một, hoa đồng nhả đỏ, rớt không vật ngại người tự do, lại được Quán âm Diệu trí lực, liền thành chẳng cất ai chịu nghĩ, Tướng Như lại đoạt ngọc Tần vương.

Chân chẳng chân, giả chẳng giả, ảnh đó hình đó thành huyễn thành hóa, căn môn tùy xứ kéo về được, thanh sắc tự nhiên cười cùng

nhảy, cày lật bò bùn của trắng biển, dạo khắp ngựa gỗ của mặt trời Xuân.

Chân tóc điểm bạc, vành mắt đều xanh, tình khô rành rành, trí chiếu linh linh, hình hài như cây khô, dấu vết giống bình trôi, trắng sáng bốn biển tê đều quáng, Xuân tại trăm hoa ong hút hương.

Cày roi ngang gối, áo nạp phủ vai, im làm Phật sự, tình quên duyên đời, gia phong không quét bốn vách, kế sống lạnh ngời ba rui, thấy nghe thanh sắc ngoài cùng xét, phá sáng núi xanh đổ quỳên khóc.

Tâm đó tuyệt duyên tro lạnh chẳng vậy, thân đó vô ngã lá chuối chẳng bền, riêng linh chừ với với, lặng còn chừ miên miên, Xuân theo cảnh hoa dài ngắn, trắng tùy khí (đồ đựng) nước vuông tròn.

Xanh lạnh mắt nảo, đen sạm da mặt, nơi Phật ma nung tiêu, lúc tự mình trú trì, kim hoặc liền chỉ, cơ chẳng treo tơ, gió trắng qua sông không sắc đêm, nước trời liền tạnh có dáng Thu.

Vẽ là chẳng cùng ra thoát, chuyển thấy da mặt xấu ác, ong hút trăm hoa Xuân chẳng đói, thở uống sông dài đêm chẳng khát, vô sự mà thiền, đợi duyên mà làm, một cơ một răn ai cùng biết, trăm phát trăm trúng dây ngậm đuôi.

Chân đó chẳng tướng, tướng đó chẳng chân, nhón chuyển bốn đại chẳng lập một trần, thể hợp hư không có chính mình, dụng khắp pháp giới không riêng người, một lá rơi chừ thiên hạ Thu, một hoa nở chừ thiên hạ Xuân.

Mây bản tự ngắn, mắt đói thấy lớn, miệng im thiền dạo mũi thông hơi lạ, tâm chẳng nảy nơi xứ chuyển cơ, quẻ chưa đoán là ai lại mua, ứng đời tùy duyên, nhà hẹp được sắc.

Đi đến thanh bản, vác nào cay đắng, cao im ba rui già, bình sinh năm hợp bày, ý xuất gia là rõ thân, ở viện lại cùng lụy người, nước đồng liền trời trắng nửa đêm, từng lâm hòa khí Xuân mười phương.

Đầu tóc núi tuyết, vành mắt nước Thu, trắng bạc rửa Hà Hán, tạnh lạnh sờ đầu ngư, ý đẹp trong ngàn hoa, phong quang đầu trăm cỏ, như huyền tam-muội chừ khéo được ưu du.

Im im không nghĩ nhàn nhàn chẳng ngắn, Thu rửa sắc tinh hà, gió thổi sóng trắng mỏng, trước nhị nghi là ta, trong muôn tượng là ai, tự khó bỏ lấy quyết định theo cùng.

Trán cao mắt sâu, nên quét từng lâm, người sợ mặt lớn, ta tự vô tâm, im chuyển đường thoi cơ, ai ném kim bát nước, thăm mặt trình nhau xong vậy, nâng đầu xứ nào cùng tìm.

Tiêu miệng mà thiền, ruột cật mà đói, thấu khổ kiếp không tâm

tướng nhỏ, chẳng thấy mảy thu thân lượng lớn, pháp hỷ làm ăn, pháp không làm tòa, cửa nhà tỳ-lô mở ra, gia phong Thiếu thất nhìn hết, nói khắp thiên hạ chừ mà không lỗi miệng.

Ngồi giường hồ nắm chuôi trần, trong câu dây ngã, đầu cơ thiên chánh, thật được ra nghĩ bàn, khéo ứng mắt nhìn nghe, suốt cội nguồn nhị nghi muôn tượng, biết tánh mạng nhiều đời chư Phật, cong thẳng nghịch thuận chừ, mặc dọc mặc ngang, dài ngắn vuông tròn chừ nào thiếu nào thừa.

Im nắm đuôi trâu, ai chọc râu hổ, trời nước liền sắc Thu, chuôi lớn đêm chuyển chốt, ứng chừ soi tượng, đáp chừ hang gọi, sum la muôn tượng, dọc ngang vậy cùng.

Trăm loại ngàn dạng, hợp về một tướng, một tướng không tướng thức cũng không, rỗng cùng hư không đồng lượng đó, sông nhạt Thu trong đêm lạnh trăng sáng, dất nhau ra vậy lại nhân gian, rõ rõ rành rành trên các duyên.

Tánh không không rể, tánh nước không bờ, ứng chỗ biết lượng thành mộng thân đó, nhân nhân đối muôn tượng, vụt vụt ra các trần ngoài vật có vật chẳng gọi tên, nhân gian có người vô sự này.

Da mặt hơi tím, trông người rất xanh, im đến then chốt, khéo được cửa sân, suốt thấy nhị nghi thành một thể, rõ biết muôn tượng chẳng hình khác.

Huyền khởi có hình, trí không không tên, Thu sinh hang trắng, mây biến thành càn, ma sa trăm chiến chai sẹo cũ, hương đạo mà nay lão thái bình.

Da xanh tùng già, sắc tối đồng tiêu, vi trần trần phá, một ấn in không, Đại thiên quyển kinh chuông ngông ngại, ba đời miệng Phật hang nuốt gió, sáu môn rõ dụng, hai mà có công.

Mây đánh chưa khô, sóng Thu càng lạnh, Vân Môn lưỡi chẳng ngắn, Bách Trượng mũi còn chưa, tâm truyền một đèn tự sáng chiếu, miệng lật bốn biển nhìn sóng vỗ, khoảng giữa ải nửa đời trải qua trăm khó, đưa tin đầu nhà thôi hoan hô, mà nay song lục đã ở mâm.

Tùng già da nứt, trúc gậy đốt cứng, tóc bạc tuyết núi xa, tâm sáng đèn đêm dài, xoay cơ rành rành, tùy dụng vọt vọt, nhân duyên khéo xúc đầu không ngại, cái ấy linh lung tăng dưới núi.

Đất nước gió lửa nhân duyên hợp đồng, thấy nghe hay biết, nhà cửa xa thông, tùy nghi mà được dụng, đến hết mà mất công, minh bạch máy xoay lại tự chuyển, gặp nhau ai biết ông nhà lớn.

Râu tóc tuyết đồng, da dẻ núi Thu, vật đều thơm mộng điệp, tình

hết bày ve khô, vết nghỉ nước về biển, sáng về sao chuyển chốt, trước lời dâng được còn bịt vỏ, sau hét nhận lãnh lại chạm đường, trên trời dưới trời chỉ cái khuôn mẫu.

Tĩnh được căn đó, động ứng cửa đó, gia truyền theo Phật tổ, cơ dụng giao cháu con, đục mở hỗn độn, phái phát Côn Lôn, mượn cùng khói sáng thành cây cỏ, hoa hoa lá lá hơi ấm ấm.

Tóc suy tuyết bạc, mắt lạnh Thu xanh, vách đứng ngàn tâm công tiêu một sắc, thể được có gia phong, tâm truyền mất dấu vết, tổ sư Thiếu Lâm chừ há hiểu lời đường, hành giả Hoàng Mai chừ chẳng biết vẽ ngang.

Mây cao rìa xanh, mắt hốc hai biếc, chưa mở cửa sâu ai biết sông Chương, chẳng cần thổ nông trị ba lỗ, tự có vượn lẻ ứng sáu cửa, gánh nước bỏ củi trình diệu dụng, sự nghiệp cháu con lại từng từng.

Tóc tuyết râu sương áo gió quần khói, vỏ không lụy đến có thể bói, một gỗ chột dùng thành sách, hổ báo mọc, cá rồng sấm, biến hóa lại ngày nào, vọt lên tự có trước, hành lý lúc cũ hẳn nhiên thay, hương đạo mà nay giếng nhìn lửa.

Hình tiếng huyễn làm, nghe thấy trí theo, tự nhiên ra ngại bình đẳng nào nghi, ngồi sáng mà tuyết lụy, tròn ứng mà không vết, mà nay hỏi người hãy nói là ai.

Râu sương trán tuyết, bụng trúc da từng, Hà Hán vỏ bờ trời, chuỗi lớn xoay chốt đêm trăng rừng san hô, kinh lớn lộng ổ từng hổ phách, hạc già gọi, chỉ nợ đầu cần theo ông chạy, chẳng phạm sóng xanh ý tự khác.

Vốn không nay có, giác không huyễn thọ, chân tướng nghiêm nhiên chừ trước cửa Oai Âm, diệu xúc ra ngại chừ sau cửa ảnh hưởng, công cực thì chuyển thân, nói thiền thì mượn miệng, nắm lấy vậy nước động ngược dòng, buông đi vậy, rượu đánh tào sơn.

Hình hài khô như, rừng hốc sâu ở, tóc suy từng tuyết bạc, tình nhàn sương trúc hư, trí đạo không kiếp châu thai trai, diệu ứng nhân duyên giếng nhìn lửa, hổ báo mọc, cá rồng sấm, y bát Hoàng Mai dây dây tin, tâm truyền Lô lão chẳng biết sách.

Lẻ cửa trắng khe, gầy cửa từng non, Thu sinh mây mắt sương xâm tóc râu, tướng của các pháp rõ không tịch, tánh của diệu còn chẳng có không, một trần bay biển lớn, mảnh tuyết điểm lò hồng, ứng sự mỗi mỗi đều ra ngại tự nhiên khéo xúc sừng đường về.

Đống đống lù lù, đầu lâu mắt mở, toàn thân buông xuống, nhờ bạn trở lại, một khảy tay vang câu lưu thông, lầu gác cửa cửa thấy

Thiện Tài.

Cốt gầy đất đá, lông tàn mỏng dài, ngồi lạnh núi mây tâm không trắng đậm, rỗng ứng mất cơ mà như hang, thiền sâu có miệng mà như kềm, mâm châu chớ sót sắc đó, đây dùi chớ bày nhọn đó, hoàng đạo thái mình mất sừng vút, tự nhiên mưa năm mà gió ba.

Già ôm vết lả, từng cửa năm lạnh, tĩnh ngậm vận xa chuông của sương sớm, dê của họ Hoàng dậy đá, thoi của nhà Đào hóa rỗng, cỏi cỏi trần trần thấy thân tướng, môn môn xứ nào chẳng gặp nhau.

Tơ của lông đầu, ghèn của khước mắt, thân đó suy già, cùng đời chia lìa, tâm thiền khô rõ rõ, mũi kiếp không rử rử, sớm lạnh sương kết mỏng núi sông, đêm tạnh trăng đi chậm Hà Hán, nhờ bạn về lại cơ dụng diệu, chẳng tiêu khảy tay biết tri âm.

Hình suy bồ liễu, tâm già sông hồ, cá lặn đường sóng tĩnh, hạc mộng ổ trắng lẻ, chẳng sắc hương tay tam-muội, phấn dính hai đùi râu hoa lý.

Tuyết của non cao chừ lông đầu suy bạc, Thu của nước xa chừ mắt thoi lạnh biếc, khí trong đêm trọn chừ trăng thấp, đầu lạnh sông không chừ bày khúc, cơ của mượn bạn, lực của dậy nhà, nhị nghi muôn tượng chừ cùng nhau lưu thông, mười phương ba đời chừ tự nhiên bằng ra.

Rất vi rất tinh, không tượng không danh, truyền đó vậy im mà thành, được đó vậy rỗng mà đầy, đêm trọn đuôi đầu chuyển Thu cao Hà Hán rộng, người lại nhờ hỏi chừ chữ chánh nhân, dứt chuột chớ đem dơ canh tôi.

Tâm không tự linh, tánh rõ phi tình, ngựa ngọc uống suối lạnh, trâu bùn cây trắng đêm, trần trần trí khởi, vật vật huyền thành nhị nghi muôn tượng ngang dọc nói, cùng với thời nay làm chứng minh.

Lông đầu suy mỏng, núi Xuân sương làm, cỏi lòng thông rỗng, cửa biển triều xuống góc, mây cao thì mắt sâu, ống mũi thẳng thì miệng rộng, u linh tuyết đãi chừ, từng truyền tiếng thơm của cha ông, thần cốc chẳng chết chừ như được thuốc của tiên, gặp nhau núi riêng, khảy tay mở gác, đây da ngu cắt lan can hẻm, đầu cốt thúi lấp ngòi bít hốc.

Trời xanh không bờ, mây bạc chẳng ngăn, nước chảy ôm núi chuyển, chinh nhân đạp trăng về, nên dùng Tỳ-kheo người được độ, cái loại hình tượng đối cơ sau.

Mây đồng nửa vai, tuyết lạnh một đầu, cây biển thảng san hô từng núi năm hổ phách, mắt nhắm tìm chẳng thấy tổ, tâm không mới chẳng lưu thiền, sum la muôn tượng ngang dọc nói, cùng nhau chứng minh quyết thua ta.

Trong chẳng thể hình, ngoài lại tuyệt xưng, diệu viên một câu, thông biến các thừa, lẫn mười cõi tâm mà lắng niệm đó, nuốt ba đời Phật mà không ngực đó, cơ chân rành rành, ý tổ dây dây, thiên đi chánh lại chừ, nhàn nhàn thọ dụng, tròn quy vuông củ chừ vừa đúng tương ứng.

Không im mà im, chẳng nói mà nói, đẻo phác hỗn độn, khơi nguồn Côn Lôn, muôn tượng câu tổng trì, các trần môn tam-muội, pháp pháp tâm tâm thành Phật sự, hoa hoa lá lá nhận ân Xuân.

Rành rành trí không, nhàn nhàn sắc dung, đầu lâu thường can thế giới, lỗ mũi sờ chạm gia phong, lắng lắng nguồn sông phỉ thúy biếc, tròn tròn ngày biển san hô hồng.

Im im đạo đạo, linh linh phá u, đầu khôi sáng chuyển đêm, Hà Hán khí lắng Thu, vào đời theo dòng, sân cửa rất đẹp, giày xanh đập mưa lão Câu Chi, buông tuồng gió khói đầu trăm cỏ.

Tâm tâm không trú, rõ rõ có cứ, Hà Hán giảng Thu, chuôi đầu đượm mốc, Tu-bồ-đề ngôi thiền, Kiều-thi-ca mưa hoa, trai ngậm trắng sáng thỏ mang thai, khám phá Thiếu Lâm truyền câu cuối.

Tiếp nối lần lượt, da thịt cốt tủy, hình phân nhà cổ Phật, hơi ra mũi Tổ sư, một cõi nguồn đã lại, tam-muội trần toàn khởi, bình thản mênh mông tâm bình đẳng, rục rở huy hoàng trí tự nhiên.

Râu tóc già mà phủ sương, tâm niệm sạch mà phát sáng, diệu chiếu lẫn ba đời, u linh không mười phương, miệng nuốt chư Phật mà chẳng là lớn, lưỡi chống Phạm thiên mà chẳng biết dài, cõi trần không ngừng nói, chim quạ chẳng loạn hàng, bình đẳng là đạo, tự nhiên thành chương.

Diệu minh tuyệt nghĩ, rỗng lắng không bờ, trí không ba khoảng tánh dung nhị nghi, mượn công sáng rành rành, nhờ bạn già rủ rủ, văn thể tung hoành thành việc, đầu cơ mới chẳng treo tơ thoi.

Dáng cửa rủ già, râu tóc như tơ, vị của sâu lắng tai miệng không sọc, Thu cao ảnh sông rộng, mốc lạnh trăng trôi chậm, đáp gọi như ứng của thần hang, đối sự được tùy của sắc châu.

Kiếp hồ rỗng không, một câu viên thông, rêu mọc điện ngọc thể bày gió vàng, diệu hết chẳng biết xứ, sáng lụi lại mượn công, duyên của soi tượng, mà diệu xúc chẳng nhận, ứng của thần cốc mà tùy gọi chẳng cùng.

Quy tròn củ vuông, kiêu ngấn hạc dài, nhật rơi sáo chẵn thôn khói, hồ bằng cá cau trắng đêm.

Pháp pháp bằng đều, tùy cao đến thấp, ngày Nam quỳ Thục hưởng

gió Bắc ngựa Hồ hý.

Tuổi tác rủ rủ, râu tóc tơ tơ, trăng lạnh cây không ảnh, Xuân ở cảnh chưa vẩy mầm, được mất bẻ tay bít người ngựa, thua Lạng Kha gậy gốc tiêu phu, thị hiện oai nghi mà chẳng khởi định diệt hết, chẳng do tâm niệm mà tự nhiên biết viên minh.

Tóc tuyết mỏng dài, tâm già ngu ngốc, chỉ Nam nói Bắc, phá hai làm ba, giữ phù tiết của Tông phong, nắm dùi kềm của Phật tổ, luyện hình đúc vật khuôn mẫu diệu, trào lửa chảy vàng lò bệ đốt, ánh sáng chẳng dứt đèn đèn khám đêm.

Học tuyết cùng gân, danh sinh khách thật, tuổi trẻ việc hành cước, già lại làm người ở núi, gậy chống tuy không hai thăng gạo, hư không tự có thân mười phương, một cơ rành rành chữ tam-muội trần trần.

Nói được một thước, hành được một thước, thân chẳng miếng thịt, tâm như vách tường, dùng mày sáng mười phương, chiếu đời hai mắt biếc, các trần tam-muội chữ tại ta tự nhiên, muôn tượng sum la chữ cùng nó bình ra.

Vời vợi rành rành trí chẳng thể lường, rục rục rờ rờ, lẳng tự nhiên sáng, từng già tuyết tây sơn, sông sáng sương bắc đẩu, dùng đó mà hành, bỏ đó mà tàng, cuối thảng của rừng sâu kén ba giấc ngủ, mềm dịu của chỉ quanh cứng trăm luyện.

Hình gầy già hèn, tiết lẻ năm lạnh, chiếu đánh mắt đầu lâu, tùy duyên miếng thịt đỏ, sáu đường ba chợ tìm người đi, cùng gọi nhà nhà đều là đàn (= chủ).

Im thành dụng kín, trí không lý được, tâm tỏ nhiều đời chọn đồng khoa, miệng Phật ba đời nhàn treo vách.

Cảnh già lẩn tìm, suy hèn đến nay, râu sương tóc tuyết Xuân còn cạn, mắt hốc mày nhô Thu càng sâu.

Chợt ngồi nhàn râm, đầm không trăng lặng, ba thừa thừa ngoài một ấn in tâm, sư tử theo hàng sư tử rống, chiêm-đàn vây quanh rừng chiêm đàn, các trần nói pháp các trần nghe, chớ bảo không người thưởng thức âm.

Khói xanh xanh chữ chim trắng bay, nước mênh mộng chữ cá vàng đùa, không mờ mờ chữ trí chẳng biết, giác mịt mịt chữ chổ tánh vừa, ôm muôn tượng mà gồm nhị nghi, suốt ba khoảng mà khắp bốn phía, ảnh tượng lớp lớp, phẩm loại sai sai, phát huy vốn từ ta, điểm hóa lại do ai, vuông đó là củ tròn đó là quy, chẳng cần đặc biệt tạm thế qua thời, lù lù vọt vọt gốc gốc si si, què què lệch lệch mà héo héo gầy gầy.

Nói thông rỗng rỗng, tông thông câu sống, tòa thầy tâm không,

bình kiếp bước rộng, đến vị rõ không cơ, Lạng Kha từng có dính, vấy tay cùng theo cái gì lại, bên đầu trăm hoa sống với vợ.

Tánh trọn có thừa, thể gồm thái hư, tâm không rành rành đạo khế như như, đáp hưởng thần ở cốc, tùy duyên giếng nhìn lửa, hưởng đạo trần trần trú tam muội, nào ngại xúc xứ cuộn mà buông.

Hình dung già gãy, râu tóc tuyết bày, thể sáng mắt ngàn kiếp, tánh lắng muôn chốt cơ, biến thông từ xưa nhà nhà sống, mảnh khỏe mà nay vừa đúng không, một chỉ thiên đầu tùy xứ dụng, nhón lại trăm hoa đều câu chi.

Một ấn in không, ba thừa chẳng cùng, trí rõ câu ly vi, thân phân đồng hộp nắp, Di-lặc chạy lại ngoài lầu gác, Văn-thù nhà ở phía Đông thành giác, tùy thân can mộc, khắp xứ gia phong.

Chống gậy dựa giường im mà thành cỏ, trăng đêm thông tê giác, trời Thu mất nhận hàng, viết suông tuyết lá chuối, thật đẹp sương phù dung, Thanh Nguyên hỏi giá gạo Lô lăng, sẽ có tri âm câu tứ đáng.

Im học Thiếu Lâm, lắng toàn bản tâm, u linh tuyết dải rỗng sáng tự nhận, chỉ ngọc kim vàng việc nhà đời, keo loan dây phụng lời non nước, tùy phương khéo ứng chẳng cần tìm nhau.

Lìa đó mà vào, nhỏ đó mà ra, một khảy tay vang mở lầu gác, thân hiện cửa cửa ngàn muôn ức.

Dứt đối đãi mà linh, không được mà danh, đến vị khó xong, mượn công chứng thành, hợp bạn ứng thời tiết, tùy việc phóng ánh sáng, thân ca xã múa nhàn tâm thích, khối mưa điều gió nhạc thái bình.

Lý cực chẳng thân, trí sáng tự thần, ba duyên chưa làm một điểm gồm thuần, đường về khác loại, ra trải các trần, lom khom dưới trăng liền sóng nước, cắt cắt gió xiên dương liễu Xuân.

Hạc đồng cốt gãy, từng khe da thô, một thân nhàn mà mây trôi rừng hốc, hai mắt lạnh mà Thu vào sông hồ, trí đến không mà có. Lý cực có mà không, bằng vật bướm bay mộng ngày, tùy cơ ong xén râu hoa, mở miệng vậy dính, ngậm vậy dính, gió linh phát vang hang tùy gọi.

Làm tăng vạch mổ, cùng đời chia lìa, trông mắt xanh tỏ rõ, đầu tóc bạc tơ tơ, kiếp không có câu, thật đặc không thầy, mượn công phân chiếu dụng, mượn vị mở giữ đất, muôn tượng sum la một lời nói, sao phải đặc biệt chống da môi.

Diệu còn trước tượng, viên thành tự nhiên, đèn Phật chiếu tiếp, hoa tổ thơm liền, đồng hướng ráng khói già, trời nước vết thu liền, tánh sinh không sinh, duyên trú không trú, tùy phần tuyết phân trai một chén,

chẳng hiềm mây gởi nhà ba rui.

Minh bạch không cần mệnh mang hồn trắng, thanh hư chẳng lộn xanh xanh vết Thu, trời xanh nên có thể chịu gánh, chư Phật nhàn nhả miệng nuốt, tình không vượt vật vật, diệu xúc ứng môn môn, rõ biết đầu chẳng do tâm niệm, sắc vàng đầu-đà diệt ý căn.

Trông mắt chiếu người bến cửa khe Thu, lông đầu suy bạc, buổi sớm của sương từng, rừng của hồ đỏ triều dâng mà kinh lớn lộng sóng, ảnh của quế non trắng lạnh mà thổ già đẩy bánh xe, rõ công mượn vị, khởi huyễn vào trần, bên đầu trăm hoa có thư thơm, ngang dọc chỉ điểm Xuân tự nhà.

Tâm không tâm diệu vượt xưa nay, tướng của không tướng, chẳng còn tình lượng, cây lá rơi mà Thu mở, trắng qua núi mà triều dâng, liễu mềm theo gió, quỳ hoa hương mặt trời.

Im mà tính chuyên, diệu toàn của thể, tình hết tánh truyền, tâm không giác viên, nhàn nhàn dạo đời huyễn, rõ rõ ứng duyên trần, lồng đèn bày trụ lẫn cơ dụng, trúc biếc hoa vàng thủy nói thiền.

Trần sạch không thừa, thể sáng mà hư, Thu cao đêm trọn, sông rộng sao xa, uyển chuyển gần mà đến, thiên viên cuộn lại buông, sông đẹp quả như châu ngậm trai, ứng vật nào ngại giếng nhìn lửa.

Lắng cửa nam đài, ứng cửa giữa áp, biết tròn sáng, tánh bình đẳng, Lạng Kha tiêu có cục, móc tuyết thuyền hoa đình, vạch ngực cửa từng lâm rõ ràng, nắm cán của mây nước mát trong, động từ gió chuyển, nhàn nên trắng dừng, tâm nghe hướng là thưởng âm, chung chiếu nào ngại đánh bảo.

Mây nước dây lẽ, từng lâm tăng già, sóng vọt khoe miệng tuyết chấm mày cao, Xuân dài thời tiết cùng liền nhụy, phá đêm ánh sáng tự chiếu đèn, trong không tơ mà nhiều kiến, ngoài không bả mà lấm ruồi, chẳng khởi diệt định, năng ứng nhiều hứng.

Tóc tuyết râu sương, răng kinh da gà, năm lần bồ liễu, ngày tại bãi dâu, dụng chuôi lớn của trì trí, lắng giữ chốt nguồn của đạo, mà nay bên đầu trăm hoa khéo được một chữ Vân Môn cùng.

Tông thừa Tào Động, già khó phát hưng, sóng Thu lay khoe mắt, tuyết Xuân điểm góc mày, một bước nhảy qua không kiếp, tâm lẽ đèn tương tục, đào cửa tây mẫu chừ cuối kết ba ngàn năm thật, côn của bắc minh xác bay chín vạn dặm bằng, san hô càn càn nâng trắng, phá vào Vân Môn tăng căng què.

Tâm tâm tuyết duyên, rành rành mất tuổi, nuốt Phật không ba đời, mở kinh đồng đại thiên, trí diệu quán ra ngại, ngày mới Xuân vô biên,

bằng vật giường trúc hồ điệp mộng, cùng bay hơn hở đầu gió hoa.

Diệu mà chẳng có, không mà chẳng không, ngồi lạnh băng dưới sàn, bước chuyển hồ trước kiếp, trở sắc sáng mới phát, tri âm đức chẳng lẽ, dòng dài tin là nước đầy khoa, mâm chạy ngay như châu nhận ảnh.

Răng thưa như nghê, da nứt như gà, muôn cơ chóng vọt, một câu toàn đề, lắng còn biển tánh rộng, tâm tròn sáng đáy trắng, có tin gió sấm lại phá sâu, không lời đào lý tự thành hàng.

Thân có ứng, người không vị, tùy phương mà thấy, diệu xúc mà thân, núi rừng rậm rợp Xuân tại cây, sông hồ lạnh nhạt Thu sinh bến, nói chẳng hợp cơ chẳng bày sự, Vân Môn một lối xưa nay gần.

Tất cả tướng không tâm của sau đó, tất cả tâm không tướng của sau đó, hang sâu mây mọc, đầm lạnh trăng lên ứng nhân duyên bình định nhị nghi, rõ huyễn hóa sum la muôn tượng, vừa đúng chẳng nghi như chỉ trong tay.

Thanh tịnh vốn vậy, hòa hợp nhân duyên nhuộm chẳng thâm mà mài chẳng mỏng, ngưỡng càng cao mà dùi càng cứng, theo đó không sau, đón đó không trước, không không không xứ mất trung biên, mà nay thư quen nhón lại dùng, đầu đuôi tương ứng chánh lại thiên.

Thân già mà suy, căn lự lại chậm, tạnh lạnh sông rộng, bầu trời đầu rủ, tròn sáng ba con mắt, thọ dụng hai cọng mây, trần cõi đại thiên, ngang dọc mà diệu xúc, ba thước tượng sáu truyện cười mà cùng theo.

Ngồi quên phải quấy, im thấy ly vi, luyện sửa của Phật tổ, phạm vi của đất trời, đầu lâu mất dưới mây, không kiếp cơ trong câu, Thanh Nguyên sắc đỏ bước kỳ lân, được kiệu lông vàng oai sư tử, gặp nhau bắt tay, đường lớn đồng về.

Kiếp không im dạo, linh nhiên phá tối, triều dâng sáng chiếu trắng san hô, biển rụt gọn sóng Thu phỉ thúy, ở đời không cầu, tùy duyên tự do, trăm ngàn tam-muội việc nhà nhà, vất vả Câu Chi một đầu ngón.

Nói chân chẳng chân, nói tự chẳng tự, nhón chuyển đầu lưỡi đất được mũi, gia phong không kiếp, đất ruộng nạp tăng, tâm tâm cùng tổ truyền nhau, Phật Phật thấy nó ra đời, một trần vào chánh thọ các trần tam-muội khởi.

Hình mạo Xuân lạnh, lông đầu tuyết tàn, ngồi luống ảnh sinh diệt, lắng thấy đầu ly vi, cây san hô sinh biển đổi môi, châu minh nguyệt lặn mâm lưu ly, giấu thiên hạ ở thiên hạ chừ, một tánh tự nhiên bình đẳng, ra thế gian ở thế gian chừ, muôn tượng ai dám khinh nhau.

Trời đất ngậm sáng, âm dương hóa chương, ruột rau thanh bạch,

táo răng lạt vàng, tùng lâm nhân đi lại, mây nước già hành tàng, vàng của trăm luyện dẻo chừ, ngọc của chín thử ấm chừ cắt mở, tùy thân can mộc, làm trò gặp trường.

Im im linh sáng, đống đống ngồi quên, sự nghiệp nạp tăng, văn chương tông ấn, ứng vật không ba đời, tùy duyên khắp mười phương, phân thân chẳng cần cùng hồi hữ, khắp xứ ai năng làm giấu che, vời vời rành rành rục rục rõ rõ.

Mây nước thân già, tùng lâm người bà, lông tóc đã tuyết, hơi mũi còn Xuân, bình đẳng ứng duyên vậy, tâm tâm Phật Phật, tự nhiên nói pháp vậy cỏi cỏi trần trần, đường về lại diệu, đùa giả tượng chân.

Núi đeo tuyết mà năm lạnh, nước ngâm trăng mà đêm lan, đối cơ chuyển vật, bóng cỏ tìm cần, trâu của đạo dao nhọn mở, cục của lạng kha tàn. Gió Tây mưa thâu khói mây sạch, bắc đẩu duỗi chân Hà Hán khô.

Hình tuy già xanh, sự vô cùng bận, vị chân nhai sấp, mặt lạnh vót sương, buông tay đi không kiếp, toàn thân vào làng vua, xoay đầu đạo đùa thành tam-muội, Xuân đến trăm hoa ong hút hương.

Gỗ cong ngồi giường, quạ dây dựa bên, thiên lẻ một câu ba đời mười phương, đèn xanh ngâm hoa đêm rục rờ, chim trắng muốn mất trời xanh xanh, xưa nay có ứng, ra ngại không đương.

Tinh thần gò hốc, mây nước bày người, đèn tâm chẳng đêm cây đạo Xuân dài, thai châu dưỡng ở trai già, rỗng sấm đập nơi râu vẩy, rục rờ sáng ngồi chừ hang của tổ rõ, vời vời bậc sóng chừ bến của hoa đào, trang nghiêm tam-muội, đạo đùa các trần.

Im im có câu chừ tổ tổ truyền nhau, tâm tâm không trú chừ, linh linh tự nhiên, đá chứa ngọc mà núi ngồi, vực ngâm châu mà sông đẹp, ngàn muôn cửa mở Di-lặc khảy, ba mươi năm dùng thiên Câu chi, việc một thừa, bên đầu trăm cỏ.

Môn của nhị nghi, căn của muôn tượng, có không khó nghĩ xanh trắng chẳng vết, mượn công nối cha ông, việc xong giao cháu con, nhất hương hoa gánh mật đùi ong, bằng vật mộng bay hồn hồ điệp, tức tướng lìa tướng, biết ân báo ân.

Tuyết của Thái hành Xuân chẳng tiêu, trăng của Hoàng Hà đêm càng nhiều, gia phong chịu thanh bạch, thân thể tự vượt lay, ly vi khí nặng, ẩn hiện cơ điều, sáng rõ gợn sóng đều đầy sạch, rừng cây san hô dâng triều cao.

Tuyết quét chiều tạnh, nước nhận Thu trong, trời không bốn vách trắng lạnh canh ba, lẳng còn mà riêng đứng, định ứng mà đi khắp, đạo

của nhị nghi thành lại bình, ấn của muôn tượng hư chẳng đầy, hải âu trong tình ngoài cơ sự, chiều tà trên cát chưa lạnh thê.

Thân già lại lười, yên ổn do giản đơn, tuyết trắng phủ đầu, hoa chim loạn mắt, tâm sáng truyền đèn Tổ, thủ đoạn phá gia sản, đến chẳng đến Triệu Châu uống trà, lui chẳng lui mục châu vắc bản, nhờ hỏi các người biết không vậy, núi xanh cốt đẹp mây nhàn tan.

Hình hài khô khan, tấm lòng rỗng sáng, sông Thu trắng đêm cây già bờ xanh, một cơ trước sắc tự uyển chuyển, muôn tượng trên đầu ai an bài, Vân Môn chống gậy, Triệu Châu giày cỏ.

Tánh thành mà chẳng lập huyền vi, trí đến mà khó phân phải quấy, bầu trời mây vắng vẻ. Đêm lạnh trăng mơ màng, hồ điệp mộng hồn chừ ngày Xuân bay mà ngang vật, cò trắng thê việc chừ chiều tà nằm mà mất cơ.

Da nứt tợ gà, răng thưa như nghê, các duyên bị dứt, một câu toàn nêu, đêm trăng tròn sáng chừ biển san hô rộng, mây chiều phá nát chừ, trời đôi mỗi thấp.

Da cốt gầy lạnh, khí mạo suy tàn, ngôi lạnh Thu sinh sông rộng, tâm không trăng rơi triều khô, thiện tài đạo khắp trăm thành rồi, lầu gác cửa mở ngón vừa khảy.

Lão tăng non cổ, trăm việc chẳng hay, no đáng của tuyết đều rừng đồng gầy còn cao tiết, âm cốt của tùng đá năm lạnh già lại xanh cao, đến đi lại vung, xương đáp đáng ghét, sân nghiêm ngược dòng đường nước động, hiếu mẫn rượu đầu tầng Tào sơn.

Linh linh mà không, rành rành mà dung, cơ của chánh thiên chuyển, đạo của Phật Tổ đồng, giếng ngọc có trăng, hồ băng không gió, con cháu đắc lực thành việc nhà, ảnh hiện các trần trong tam-muội.

Tinh thần tự nhiên, Thu sớm Xuân trước, cuộn ngược gò hốc, nhiều rãnh gió khói, lý vô sinh mà tâm truyền Tổ, thân chẳng chết mà đạo ra các tiên, xanh vàng thù tạc chừ, ngày của tướng quân tước nhon, đen trắng hơn kém chừ, năm của tiêu tử Lạng Kha.

Im im mất lời linh linh thấy căn, trống đánh bôi độc, hương đốt hồn về, vật vật không tâm ảnh nhận gương, trần trần ra ngại tiếng vượt tường.

Héo héo gầy gầy, bệnh khởi dấng gió, què què lệch lệch già lại sự nghiệp, ngôi ổn ba khoảng bình, tâm không trăm niệm tuyết, sum la muôn tượng tin cao vợi, môn môn tam muội theo thi thiết.

Tóc bạc răng rỗng, mũi rũ miệng rộng, ngôi lạnh trăng nường nường, hơi trong Thu mênh mộng, ly vi ra vào cửa mở, chánh thiên qua

lại cơ sống, song biếc dáng già mắt có thân, rành rẽ bên đầu trăm cỏ thuốc.

Tuệ mà năng định, định mà năng tuệ, không có ngắn dài đầu không khuyết thừa, lực định tuệ trang nghiêm, tâm tánh tướng bằng chứng, trí diệu quán sát chiếu chẳng công, trí thành sở tác đồng viên kính.

Im im mà đạo, trăng lạnh trời Thu, đẹp đẹp mà khắp, mây trôi dòng nước, thân tâm không bờ bãi, cơ dụng có dùi câu, các trần tam-muội câu ngang dọc, người của phân giao đầu gậy chống.

Khéo rõ thường còn, u linh chẳng tối, thiên chánh xoay trục cối, ly vi thấy đạo căn, nơi vi trần phá kính lớn ra, lúc miệng lạnh mở Chư Phật nuốt, tùy duyên rõ rệt được dụng môn môn, thành lập việc nhà giao phó cháu con.

Thần của ảnh, Xuân của vật, oanh tron tron của họng má, liễu rờn rờn của mày mắt, đùi ong phấn râu hoa, tỳ sáp men mật nồng, nhàn nhã thật rõ việc đạo đùa, đầu mối lại như người huyễn hóa.

Lắng còn chẳng lẫn, linh minh chẳng tối, phái phân đáy Hà Hán, dòng khơi nguồn Côn Lôn, thấy nghe trọn lành thành một tướng, ảnh hưởng nên không sáu căn, thể vốn chân như năng lại cõi của sinh diệt, dụng tùy sinh diệt tức vào môn của chân như, từng lâm tham no ba cành cật, mây mộng nhàn nhã tám chín nuốt.

Vực lắng vốn thành, chí hư chẳng đầy, thể ngậm sáng của đất trời, mười phương rõ suốt, dụng biến thái của âm dương muôn tượng cao vời, sẹo trăm chiến biết tin gió mưa rũ đầu lù lù lão thẳng bình.

Rùa chừ già chừ tay nắm quyết nghi, Sư chừ phạm chừ nâng lệch lo sai, định suốt đáy đó, tuệ cùng bờ đó, tên dụng đôi phá, châu xoay ảnh tùy.

Im thành tánh đó. Tuệ nhuần định đó, rỗng ứng sáu cửa quán thông ba đường, khéo léo mở quyền, chạm có rơi hốc, quái giết gã tăng, thuốc nhiều thành bệnh.

Tổ tổ gia truyền, tâm tâm ấn toàn, hỗn độn chưa chịu soi Oai Âm chẳng được chuyên, tiêu sấm văn do của răng voi, chống trắng năng vậy của sừng tê chổng, nước từ trúc lại chừ lộc chẳng mượn nhờ, gió từ hoa qua chừ, hương có nhân duyên.

Tượng lấy mẫu họa, người thành huyễn hóa, được mất một giấỵ rút thăm phải quấy một ngựa, kiến lập từng từng, quyền hành tạm tạm, chẳng dán mà an, buông tuồng mà hoang dã, khoa cối chẳng còn, quỹ nghi nào rối rãi, đói thì ăn no thì nghỉ, cứng thì gối, mềm thì lót, ra thể

gian ở thế gian, giấu thiên hạ nơi thiên hạ, lại hỏi thế nào chi hồ giả dã.

Xưa nay không vật, ngay xứ sinh ra, đầu tóc bạc của mỏng dài, trông mắt đen một loạt, ái dâm ở tôn túc, tăng tướng kính lão thành, hiện oai nghi trú diệt định, tùy ảnh hưởng phóng ánh sáng, biến đổi mỗi sâu khó tìm trai của ngậm trắng, rừng san-hô lắng ai thấy kinh của lộng triều.

Lù lù im cày, trời thành đất bằng, một tâm không trú trú, muôn tượng chẳng sinh sinh, khởi nhà không kiếp câu trong hồ, mượn bạn thời nay đi trên đường, người quây từng lâm bẫy tám xứ khiến đi mà cứ, nắm lấy cây gậy chống bốn mươi năm, Sư ngồi mà ngang, dụng đó chẳng tẻ, hư mà chẳng đầy.

Lắng ở nguồn tánh, dạo nơi cửa độ, động tĩnh ra ngại, vuông tròn chẳng vết, cây lạnh được Xuân chậm, cửa tuyết mất đêm tối, thông bít vầy hư lìa thật bít, biến hóa vầy, liền càn đoạn khôn, sáu hòa hợp mà không công chừ, thoát lược cõi ba ngàn, muôn sai biệt mà có cứ chừ đều nương ân của một điểm.

Cái hình dung ấy, duyên báo gặp gỡ, ẩn muôn đức ở chưa điềm, cất sáu dụng ở không vết, tuyết trận huyết chiến, ruộng ngọc trái nông, ảnh hưởng như hang trống, tùy gỗ như chuông sương, đầu sào chẳng phải gió phương động, biết có việc này lại cõi Lô.

Tùng cửa khe biếc, hạc cửa ổ khối, đồng tánh nhàn nhàn, thân gầy vởi vởi, sông ngậm trắng mà luyện dài, nước liền trời mà thu rộng một điểm phân rõ chừ mười phương hư rỗng.

Vết tượng mà không, thuần toàn mà có, âm dương chẳng lưỡng tới thần, sinh diệt chẳng đến mà thọ, mười phương cõi hiện nửa thân, ba đời Phật chẳng tiêu một miệng, chỉ cái hình núi cây gậy chống, cùng ông xúc xứ theo nhau chạy.

Mắt sâu trán cao, miệng rộng mũi thẳng, mây Thu tiêu chừ trời xanh mà rộng, trăng đêm lên chừ nước bạc mà lạnh, nhìn nhìn ảnh tượng tùy ứng chừ ngọc sáng lắng mâm.

Dụng được ở mây, thể toàn ở mũi, hương tượng chẳng đàn, lông vàng không sợ, rõ sơ tâm của Văn-thù, vào huyền trí của Phổ-hiền, xoay đường phóng khoáng biết chẳng biết, trong sáng Bát-nhã ai dạo đùa.

Thân của mây nước, hơi của núi rừng, chẳng chuyên ở học, chẳng dạo ở nghề, im ngồi mà tâm không, khéo truyền mà đạo quý, gió Tây lạnh Thu trong có vết, Xuân dài xanh sạch mây không cuống, xưa nay

chân tông Phật Tổ, chỉ là khắc thừa gia thế.

Núi sáng lạnh điểm tuyết, nước sắc lạnh Thu, gan mật gương xưa sạch, thân thế bình nổi trôi, lưới voi mà châu được mất trâu mà nhọn đạo, phụng lành vào lưới chừ liền miết trên móc, thủ đoạn thông thường chừ già chẳng truyền thôi.

Vực im mà sáng, lắng còn mà diệu, ba đời đều bình mười phương tròn chiếu, trăng tùy nước mà trôi, gió vào từng mà thổi, gặp nhau sẽ có tri âm, hướng đạo tự nhiên đồng diệu.

Mũi thẳng miệng bốn góc, mày thấp mắt ba góc, im im câu khó truyền, sâu sâu ai chuyển chân, vào hồ của treo cây trời đất năng rộng, được cờ của Lạng Kha đen trắng chưa xay, như nay lại chẳng đẫy giấu, đến xứ tùy nghi dính rơi.

Rành rành thường biết, linh linh chẳng ân, diệu không ba đời, tròn gồm nhị nghi, mũi kim dài thông chỉ, rốn thoi nhỏ nhả tơ, ra hang mây bạc gió đoạn đưa, đầy khoa nước chảy trắng theo cùng, khắp ứng các cơ chừ tự nhiên hợp nghi.

Các dòng nuốt biển, đầm lớn giấu núi, sỡ mây trắng chừ con cóc mật lạnh, nằm sóng gió chừ cò trắng trong tình.

Mây mất tinh thần, thợ vẽ điểm trang, công chuyển huyền vi, rõ không tơ bả, trời Thu trong mà hơi sông lắng sáng, nước đêm bạc mà hồn trắng sóng sánh, vật vật đầu đầu ứng hóa thân vượt ra trước cơ có điển hình.

Rỗng rang mà sáng sửa, rõ không ảnh thừa, cao vậy mà còn, đầu có vết khác, tĩnh chẳng tượng vậy suốt thấy nguồn đó, động thuận duyên vậy, nảy phát rễ đó, dụng miên miên chừ quạ chẳng lẫn.

Soi đó hiện tượng, hang đó tàng thân, sáu cửa tùy muôn loài, tam-muội vào các trần, trăng thông tê giác sớm, hoa đến mật phòng Xuân, cơ của rành rành quả sáng tỏ, lại hiềm xứ nào chẳng thân nhau.

Nhãn mà sân bày mà vui, im truyền gia phong lỗ mũi, dụng giao thời tiết lông mày, buông xuống cơ ném mở bày rò rỉ, mười phương ba đời chừ đồng được đồng tham, nhị nghi muôn tượng chừ đồng nghe đồng nói.

Nước dừng ôm trăng, núi không nhả mây, thanh bạch tự như, cao nhàn chẳng đàn, tánh linh gò hang chừ vượn hạc được bạn, tình vị sông hồ chừ cò lộ rẽ phân.

Sương rửa đầu khô, thu sinh Hà Hán, hình yếu kiêu mà từng lớn tham mây, khí lắng sáng mà thừa ngập lùi bờ.

Tóc phau phau như núi tuyết, mắt lắng lắng như đầm Thu, gậy

phát bạn già, từng lâm no tham, muôn toàn chẳng một có, hai phá lại thành ba, môn môn rỗng mà chánh thọ, vật vật mỗi tự thiên đàm, Xuân đình chẳng cần khoảng lộn xộn, hoa chim mà nay thôi ngậm rồi.

Tóc bạc đáng xanh, ba cật ở núi, mở mắt bất chợt sáng, ngồi yên chẳng biết nhàn, khéo ứng toàn cơ dụng, linh minh vào vòng đạo, mà nay cùng bạn đi trong trần, lá dâu tiền Thanh ta chớ tiếc.

Hành khởi giải tuyệt, toàn tông nói khuyết, căn căn trần trần chừ vốn tự hiện thành, Phật Phật tổ tổ chừ nào nhọc thi thiết, bản sắc nhà đang hành, thưởng âm cái thời tiết, ngày chặm dòng gió chuyển lưng liễu, đời rừng lời mền dịu lưỡi oanh.

Mắt trâu nhón đạo, lưỡi voi châu được, cát mờ mờ mà cò lạnh, trời xanh xanh mà nhận mất.

Chân cuộn trên đá, nhân gian niệm khô, Thu sinh khóc mắt vui vào đầu mây, thân tâm của gò hốc lối lạc, gan mật của từng lâm suy tàn, khe trắng mơ màng sương đêm rửa mài mà khí vận thanh bạch, từng non nghiêng què tuyết mới tẩy rửa mà tinh thần xanh lạnh, hành cước giày rách, ở núi cật rộng, điểm đỉnh phá lỏng rơi, gọi lui ngã sào chùa, thời khắc thúc giục kén ba ngủ, gió mưa vỗ sờ vết trăm chiến, ảnh tượng chịu soi, âm thanh qua tường, tịch mặc mắt đầu lâu, ánh sáng cục thịt đỏ, mây gấm đuổi Xuân chừ hoa dung sáng rõ, sấm triều cuộn tuyết chừ cửa biển sóng dồi, hét cửa treo phát, đuổi xa của gậy chống, bánh Hồ bánh bao có biến thông mà cung chức nối tổ, hoa sen lá sen mất khoa cối mà phán quan nói thiên, theo nhau học bước, chớ tự Hàm đan.

Trưởng lão Quang ở Diệu Cự tả chân cầu tán.

Cốt lạnh hơi gầy, đánh tuyết cầm tở, lưỡi của đầu trâu, si của đầu hổ, cao ngất trốn thiên xứ, không không chọn thời Phật, chín muôn bằng gió đỡ sừng dê, ngàn năm thổ trắng nằm mây ngai, môn môn huyền khởi, trần trần trí theo, hồ điệp mộng đạo chừ trang sinh bằng vật, đào hoa mắt lạnh chừ Linh vân chẳng nghi, đầu không góc vết, on chớ châm dùi, Ba lạng từng đối kiếm thổi lông, san hô cành cành chống trăng đêm.

Thủ tòa Chân tả chân cầu tán.

Biển giác nguồn lắng, tánh trời rỗng bằng, tai mắt không càng xa, hơi thở tế lại trong, sương lạnh đầu ướt, Thu nhạt sông rộng, đến đi của từng lâm, ánh sáng đầu trăm cỏ, trắng cửa mây ngai chừ ba ngàn cõi biển, gió của sừng dê chừ chín muôn đường mây, da bụng tham no, gan mật lão thành, khua búa rất dễ, khí nhận rất khó sinh, vì người một đèo

mũi trát bùn, theo giáo trông bốn phía người sợ.

Giám tự Giáo tả chân cầu tán.

Giường Hồ một điểm, trí đạo hang lý, thiên chánh qua lại, ly vi ẩn hiện, trên dưới hỗn thành vậy căn của nhị nghi, đến đi bình đẳng vậy tắc của ba đời, khi có tùy ứng các trần, chẳng thể nói tự một vật, tu chứng chẳng không, ô nhiễm chẳng được, chấn đó Đông đoài đó Tây, ly đó Nam, khảm đó Bắc, Thanh châu áo vải, Trấn châu la bạc, ngay gia hành trong mắt có gân, bản sắc kẻ đầu lười không xương.

Tiểu sư Thiên khách Trí Lâm tả chân cầu tán.

Mây đá tuyết từng, bạn của năm lạnh theo, trắng sớm chuông sương, âm dung của thanh bạch, tự vui vậy thôn ca xã múa, bằng lòng vậy sáo mục về nông, mưa cuồng dứt gió, nhà ẩn thần mà trốn trận, sấm rống chớp ngăn, chiến thiên tịch mà giao phong, mười phần nhàn rồi, một loại lười nhác, núi xanh đến đi của mây bạc, bình nổi vết trôi của nước chảy, vạch mốc biển văn báo, ngâm mây lột cốt rồng, thân già nghề lẻ chừ khó trao con, trí bằng đức nửa chừ chưa thể truyền tông.

Trịnh Thành Trung tả chân cầu tán.

Trí chẳng năng biết, thức chẳng năng hay, một hơi nhẹ trong, ... lạnh biếc, sen nở mộng tỉnh, mười phương xứ mất ở một thời, kinh lột bằng đánh chín muôn dặm thành ở một hơi. Vật ngã dung khắp, tự tha bằng ra, châu nhận sắc mà chẳng vết, kiếm khua không mà nào dấu, khoảnh khắc khảy vang, lâu gác Di-lặc mở vậy, có lẽ là rất sâu, cõi trần phân thân, lỗ lông Phổ Hiền vậy đầu không bức hẹp.

Vương Thừa sự tả chân cầu tán.

Thoi xanh dáng tạp, dư phan chứa đá mà sáng núi, lão tiết năm lạnh, hổ phách ôm từng mà trọn năm, khoảng Oai Âm chưa hưng, trước của hỗn độn muốn tạc, từng lâm đại nghĩa chừ đạo tôn Bách Trượng, sát hải lắng sóng chừ trắng hiện ba ngàn, ta vì người nói pháp, người vì ta làm ruộng, cứ ngồi rẽ từng trên đầu đá, tri âm tin người tâm thần truyền.

Tán thán chân dung của Hòa thượng Giác ở Thiên Đồng tại Minh châu xong.

Đệ tử Hữu-phụng-nghi-lang-chủ-quản-Đài-châu-Sùng-đạo-quán-tứ-can-nghư-đại Lý Đoan Dân kính cẩn cúng thí vốn liếng bổng lộc thêm hỗ trợ khai bản, cầu mong thiện lợi thêm lớn. Lộc toán.

Ngày An cư mùa Hạ năm Đinh sửu (1157) thuộc niên hiệu Thiệu hưng (1131- 1163 thời Nam Tống) tiểu sư Tỳ-kheo Trí Tuyên mộ duyên khai bản.

Đệ tử kính phụng Tam bảo, Ngô Hưng vương Thủ Siêu cùng đệ tử nữ chương hai mươi tám vị, bằng tiểu mười ba nường tử cùng thí gia tài trợ duyên khai bảng, mỗi mỗi mong đáp bốn ân ba cõi, Tỳ-kheo Xung Nghĩa ở Linh nhạc thí tài thêm khai bảng, mong đáp bốn ân ba cõi.

(Tán thán chân dung của Hòa thượng Giác ở Thiên Đồng hết).

GHI VỀ HÀNH NGHIỆP CỦA HÒA THƯỢNG ĐƯỢC SẮC PHONG THỤY HIỆU HOÀNG TRÍ THIÊN SƯ

Năm Tuyên hòa thứ sáu (1124 thời Bắc Tống) kính thưa Hưởng Công tử để phát vận sự, mộng thấy vị tăng dẫn đến ngôi chùa cổ, trên bảng thiếp vàng viết chữ “Thấp châu” chẳng lường biết là gì, qua mùa Thu tháng chín, Phổ Chiếu Vương tự ở Tứ châu khuyết vị trụ trì, Hưởng công nghe Sa-môn Chánh Giác ở tòa thứ nhất tại Trường lô là vị tiếp xướng tông Tào Động mà các hàng nạp tử rất tin hưởng ứng, bèn soạn đủ số và thiếp thỉnh bổ sung ở đó, khi đã đến, hỏi về quê quán, Sư nói là vốn ở Thấp châu, Hưởng công mới tỏ ngộ mộng trước, nên càng thêm kính lễ, nên từ đó, Sư ngồi khắp bảy đạo tràng, tiếng tăm vang khắp thiên hạ, tên xưng là Đại sĩ Đạt nhân ra ứng nơi đời làm thầy người trời, phàm đâu là ngẫu nhiên vậy ư! Sư vốn giòng họ Lý, thân mẫu người họ Triệu, đêm Sư ra đời ánh sáng phát ra từ phòng bà, mọi người đều lấy làm lạ, năm lên bảy mỗi ngày Sư đọc sách vài ngàn lời, qua ít ngày bèn thông rành Ngũ kinh, tổ thân phụ tôn sùng đạo, lâu tham ở con của lão nam. Tích Thúy là Thiên sư Phật-đà tổn từng chỉ Sư mà nói với thân phụ: “đứa trẻ này vượt xa chẳng đồng thường, không phải là người trong trần ai, nên cho nó xuất gia, ngày sau hẳn làm đại pháp khí”. Năm mười một tuổi, Sư được độ ở bản tôn chùa Tịnh Minh tại đồng quận, năm mười bốn tuổi Sư đắc giới với Sa-môn Trí Quỳnh ở chùa Từ Vân, Tấn châu, năm mười tám tuổi Sư ra đạo các phương, quyết biệt với lời của tổ đó nói: “Nếu chẳng phát minh việc lớn, thì chẳng trở về vậy” đến khoảng năm Tấn Giáng hoặc vì không có thầy nương tựa. Ấp Duãn thấy Sư tài giỏi vượt thường nhân dùng chiếc quạt đang nắm mà dạy Sư rằng: “Hãy vì ta mà ghi một lời” Sư ứng tiếng, nắm bút ghi bài kệ lên đó, Ấp Duãn rất vui mừng, vì xin giúp để đi, vượt sông qua Lạc, Sư tọa hạ tại núi Thiếu Thất, thường ngày hái nhặt rau lá cung cấp các vị tăng bệnh, rau tạm hết thì hái cả chồi thuốc tiếp tục đó, Sư đạo đến Long Môn, gặp vị tăng cùng quê, kéo Sư đồng trở về, Sư bảo: “Xuất gia hành

cước vốn vì tham tâm tri thức rõ việc sinh tử, quê hương chẳng phải là chỗ nghĩ nhớ vậy”. Lưng bọc thủng đến Hương Sơn ở Nhữ châu thành cây khô, vừa trông thấy thì sinh quý trọng, một ngày nọ nghe vị tăng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa đến câu “Mắt cha mẹ sinh ra thấy khắp ba ngàn cõi” tự nhiên có sự tỉnh ngộ, vội đến trượng thất trình bày điều ngộ, Sơn chỉ hộp hương trên đài và bảo: “Bên trong là vật gì?” Sư đáp: “Là tâm hành gì” Sơn bảo: “Chỗ ông ngộ lại thế nào?” Sư đưa tay vẽ tướng một vòng tròn để trình đó, lại vứt ra sau, Sơn bảo: “Gã đùa cục bùn có hạn gì?” Sư nói: “Sai” Sơn bảo: “Chớ thấy người mới được” Sư ứng đáp: “Vâng” bấy giờ ở Đơn Hà Thiên sư Thuần giá đạo mới thành, Sư bèn đến đó, Đơn Hà hỏi: “Thế nào là chính mình ở không kiếp trở về trước?” Sư đáp: “Éch ương đày giếng nuốt mất trăng, canh ba chẳng mượn rèm đêm sáng” Đơn Hà bảo: “Chưa phải hãy nói lại” Sư định bàn luận, Đơn Hà liền đánh một chổi và bảo: “Lại nói chẳng mượn” Sư chột ngộ bèn đánh lễ, Đơn Hà bảo: “Sao chẳng nói lấy một câu?” Sư đáp: “Tôi ngày nay mất tiền gặp tội” Đơn Hà bảo: “chưa rảnh để đánh ông, hãy đi đi”. Lúc đó Sư vừa hai mươi ba tuổi vậy, Đơn Hà lui ở chùa Đại thừa tại Đường châu, Sư cũng theo đó, ở núi có Hòa thượng Thăng, cũng là đệ tử nói dối dòng pháp của Thiên sư Thuần-Đơn Hà, cử Sư lập tăng, Đơn Hà ở Đại Hồng, Sư trông coi ký thất, năm Tuyên Hòa thứ ba (1121 Bắc Tống) chuyển đổi thủ tòa, bấy giờ các Sa-môn Trí ở Kim Lật, Tông ở Tuyết Đậu, Ngộ ở Bảo Phước, Lưu ở Phụng Sơn đều theo Ngài Tham, qua năm sau (1122) phân tòa ở Lô Sơn, Sa-môn chiếu ở Viên Thông dưới tòa Xiển Đề. Sa-môn Chân Hiết ở Trường Lô nghe danh tiếng Sư, bèn sai mang thư đến thỉnh mời, gióng chuông ra nghinh đón, đại chúng sợ nhìn, râu mày Sư kỳ lạ, toàn bộ đều đen, áo quần rách rưới, giày dép đều thủng, Chân Hiết sai thị giả lấy giày mới để đổi đó, Sư liền bảo: “Tôi đâu vì giày dép mà lại đây ư?” Chân Hiết cùng đại chúng khấn thỉnh Sư ở tòa thứ nhất, bấy giờ đại chúng đông đến một ngàn bảy trăm vị, thấy Sư trẻ tuổi, mới đầu cũng lấy làm lạ đó, đến lúc cầm phát già giện đối với người tham thỉnh, không ai chẳng tâm phục. Lại trải qua hai năm (1124) sư ở Phổ Chiếu tại Tứ châu, mới thật sự ra đời nối dõi giòng pháp từ Hòa thượng Thuần, trước đó phân chùa một nửa làm cung thần tiên, mà lại lương Hoài đói khổ, bếp kho trống thiếu, vật thực cần của hai bữa dùng xen tạp đậu và gạo tẻ, Sư đến bảo thuần dùng lúa canh, vị tăng trông coi kho lẫm từ chối chẳng cung cấp, Sư lại bảo cứ như mới đầu, thế rồi Đàm-việt thay giao, hoàng đế Hy Tông (Triệu Cát 1101-1126 thời Bắc Tống) đến phương Nam, Sư lãnh chúng khởi cư, hoàng

đến thấy chúng tăng trong chùa hơn ngàn vị, đứng đầy bên tả đường, phương bào chỉnh túc, oai nghi rất khả quan, sau đó, có sắc chỉ mời gọi Sư, Sư ra mặt nhận thánh ngữ, một nửa trở về lại chùa cũ, Sư nhận thỉnh mời mà chưa đến nơi. Luân tướng trong tháp Tăng-già có khói hương vụt bay lên hư không thẳng tỏa về hướng Đông Nam, lúc Sư vào chùa mới hết, năm Kiến Viêm thứ nhất (1127 thời Nam Tống) Sư ở Thái Bình tại Thư châu lại đến ở Viên Thông, Năng nhân tại Giang châu, từ Năng Nhân xong việc, Sư dạo đến Vân Cư, bấy giờ Thiên sư Cần viên Ngô đang ở núi gặp lúc tại Trường Lô pháp tịch trống vắng, đại chúng đều muốn có được Sư, Viên Ngô cùng An-định-quận-vương lệnh gọi, gắng sức cùng đi vào chùa, không bao lâu tăng tri sự báo cáo thiếu hụt lương thực, Sư im lặng không đáp, bấy giờ giặc cướp Lý Tại đang dàn trận ở biên giới, dẫn binh lính vào chùa, mọi người đều kinh sợ, Sư ngồi yên trên pháp đường đợi nó đến, dùng lời hay dẫn dụ đó, Lý Tại cúi đầu tin phục, lệnh lấy thóc vàng trên các xe để cúng chúng. Một phương cũng nhờ đó mà được an, mùa Thu năm Kiến viêm thứ ba (1129 thời Nam Tống) Sư qua sông đến Minh châu, muốn theo đường biển đến lễ bái Quán Thế Âm ở Bồ-đà, đường đi từ chùa Cảnh Đức của núi Thiên Đồng, vừa lúc tại đó khuyết chủ, đại chúng thấy Sư lại, nên mật báo cùng quận, Sư nghe phong phanh, bèn bỏ trốn đi, đại chúng vây quanh, trọn đêm mà đi chẳng được, bắt đắc dĩ mà nhận sự thỉnh mời, chẳng bao lâu, người vị xâm phạm trong biên giới, các chùa đều từ tạ khiến vân du, một mình Sư đến là chẳng chống cự, hoặc lấy làm chẳng thể, Sư dẫn dụ đó rằng: “Ngày mai giặc đến, chùa sắp trống không, tức nay may mắn còn vì ta có, có thể chẳng cùng chúng chung đó ư?”. Thế rồi giặc đến, lên đánh tháp để trông nhìn, như có trông thấy điều gì, bèn gom binh lính mà lùi không xâm phạm mảy may, mọi người đều mừng vui thán phục, cho là được thần giúp đỡ, Bá Tướng nghe tên Sư đã từ lâu, mãi đến năm Mậu Ngọ (1138) làm giáo thọ châu học, mới biết được mặt Sư, từng phỏng hỏi Sư từ nhỏ bỏ hết chu đạo, bóng tùng hơn hai mươi dặm, lầu hùng gác kiệt cao vượt muôn núi, hẳn đã gần chỗ chưa thấy, vào cửa thiền nhỏ nhặt muôn chỉ, im ngồi nơi thiền sàn, không tiếng nói cười, Bá Tướng khoản hầu tham chính, dạo khắp Tương Hán Giang Tây, Nam nhạc, chưa có đâu thanh như vậy, nghe các bậc tôn túc trưởng lão ở các nơi đó đều nói: “Xưa kia tại Thiên Đồng tăng chúng chưa đầy hai trăm vị, lúc Sư đến, thì học giả khắp bốn phương tranh nhau tìm đến, như loài bay chạy hướng đến phụng, lân trăm sông đổ về biển cả, nay tăng chúng đã lên số một ngàn hai trăm vị vậy” mọi người

đến càng nhiều, nên rồi phủ sắp khô, người trông coi hoảng sợ chẳng biết tính làm sao, đem sự việc lương thực của chư tăng sắp hết thưa Sư, Sư cười bảo: “Mỗi người đều tự có miệng chẳng phải ông lo vậy” nói chưa xong, người gác cổng báo rằng: “Có người giòng họ tiền ở Gia Hòa dùng thuyền chở ngàn斛 gạo đến ghé bờ vậy”. Tháng chín năm Thiệu Hưng thứ tám (1138 thời Nam Tống) Sư có được sắc chiếu mời đến ở chùa Linh Ẩn tại phủ Diêm An. Lúc sắp ra đi, đại chúng buồn khóc, có vài vạn chim quạ cũng kêu hót buồn cảm theo Sư, trải qua vài giờ mới tan đàn, qua tháng mười lại có sắc chiếu trở về lại Thiên Đồng, trước sau gồm ba mươi năm Sư ở đó, chùa phòng có cả ngàn gian, không gì chẳng mới mẽ, khác thời ở Trường lô Tuyết Phong, lúc chúng tăng mới thành mỗi vị ở một nhà, riêng làm bốn năm, lúc tại Thiên Đồng nạp tử đã đông, Sư đem ý chỉ mình trao cho các thợ, làm một ngôi nhà để tăng chúng ở gồm một ngàn hai trăm vị, thấy đều dung thọ, hùng mạnh, đẹp đẽ sâu ẩn thật chỗ sáng kiến, tức giữa khoảng hai núi ngăn biển triều dâng mà làm ruộng ở đó, hằng năm thu nhập gấp ba lần so với trước, phàm vật tăng chúng cần thì thấy đều đầy đủ, đây tuy là việc hữu vi nhưng người khác nghiêng nhìn chẳng dám ra tay vậy, Sư vui đạo trong đó, đúng ngày giục làm, đến tháng chín mùa Thu năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bảy (1157 thời Nam Tống) chợt nhiên Sư đến trong thành ra mất quận liêu và chỗ vốn từng qua lại. Lại đến Việt Thượng chào hỏi soái thú Triệu công Lệnh Ngạn, nhân đến khắp các nhà Đàn-việt, như cùng họ từ biệt vậy. Qua ngày mồng bảy tháng mười, Sư trở về núi, dùng cơm đáng vẻ như thường, sáng mồng tám khoảng giờ Thìn giờ Ty (từ bảy-mười giờ sáng) Sư tắm gội thay y phục, ngồi trang nghiêm báo cùng đại chúng, ngoáy lại bảo thị giả lấy giấy bút viết thư gửi Thiên sư Đại Tuệ căn dặn việc hậu sự, Sư lại viết bài kệ tụng rằng:

“Mộng huyễn không hoa.

Sáu mươi bảy năm.

Chim trắng khói mất.

Nước thu liền trời”.

Xong, vứt bút mà thị tịch, tôn trí trong khám lưu lại bảy ngày mà đáng mạo Sư vẫn như lúc sinh tiền, sư thọ sáu mươi bảy tuổi, năm mươi ba tăng lạp, Thiên sư Đại Tuệ ngay đêm có được thư bèn đến trong núi, đến ngày mười bốn, nghinh thỉnh toàn thân Sư an táng tại tháp Đông Cốc, các hàng tăng tục tiến đưa lên đây núi chật hang, không ai chẳng thương khóc kính tiếc, từ ngày Sư thị tịch, mưa gió liên tiếp, đến lúc an táng thì hừng tạnh, việc xong, trở lại như mới đầu, Sư đầy đủ đại từ bi,

dạy rắn dẫn dắt chẳng nhọc mệt, các người ném thê nhập thất, ngâm hợp mật chứng đông nhiều chẳng thể ghi nhớ hết, Sư đối với thọ thí thì không tham mà hành thí thì không nhàm, gặp năm đói lạnh thiếu ăn, Sư dốc hết tài vật của mình và đem các vật thừa của tăng chúng, giúp đỡ để bảo tồn sự sống quên lo toan cả vài ngàn muôn người, Sư sống thường luôn bố thí, vàng lụa lắm nhiều đều giao về tăng chúng. Trưởng thất Sư ở rỗng rang, vận mặc áo quần cũ rách ăn cơm thường, chẳng phá lệ ăn đúng ngộ đến trọn cả đời, thường cắt tóc nhóm lại thấy đều sinh Xá-lợi năm sắc, hoặc tóc rỗng suốt bên trong, răng rụng Xá-lợi sinh ra chẳng ngớt, sau khi an táng mọi người cầu đảo, hoặc được ở đệm chiếu, hoặc được ở áo giầy, toàn chỗ bất thường, chùa cách xa nước, Sư đục đá làm cái ngò, mẹ con cùng ngâm, trai trù nhà tắm thấy đều đủ khắp, phụ nữ quan nhân mọi người vào chùa muốn rửa tay trong ngò thì chợt nhiên nước vọt ra, phụ nữ sợ ngã, thời gian lâu mới tỉnh lại, có quán của Quý Nhân Tử ở phía tây pháp đường, rượu thịt tự mang theo, hoặc ngăn chẳng theo, bỗng chốc mà trống pháp sấm động rơi nơi đất, Quý Nhân Tử kinh sợ mà bỏ đi, nay vẫn còn dấu vết sấm động vậy, một ngày nọ, có tiểu hành giả ngã té nơi đất mà nói rằng: “Ta là thần hộ già-lam cùng sánh lực với thần Thái bạch, nên khiến chúng tăng tụng thần chú hỗ trợ ta” có kẻ bảo “Sao chẳng đem báo cùng đường đầu” thần bảo “ Ta nghe Hòa thượng Giác ở đây hơn mười năm vậy, mỗi khi đến tắm đường muốn trông thấy đó tức liền đánh sợ chẳng thể bước tới, nên trọn chưa được biết đó vậy” Sư làm văn mới đầu chẳng lưu ý, đặt bút tức thành. Trung-thư-xá-nhận Phạm công Lương Quý thỉnh làm bài minh cho am Đại Dụng, đích thân viết trên đá, than rằng: “Cùng tín tâm minh của Tam tổ đồng sau trước vậy” sau khi Sư thị tịch năm thảng thì có sắc chiếu phong thụy hiệu là “Hoàng Trí Thiên Sư” tháp hiệu là “Diệu Quang”, Tham-tri-chính-sự Chu Công Quỳnh làm bài minh đó. Phàm dấu vết ứng thế của Sư, xem đọc ở bài minh nơi tháp, nay đây chẳng thuật lại. Than ôi! Sự nghiệp đặc biệt của Sư đây có thể hình dung ở lời đó vậy, nếu là diệu dụng tung hoành thì chẳng dấu chẳng vết, toàn vượt trước không kiếp, rỗng suốt ngoài Oai Âm, chẳng thể được mà phỏng bàn đó, lại chẳng phải chỗ của văn tự có thể biên ghi vậy.

Ngày ... tháng sáu năm Càn Đạo thứ hai (1166 thời Nam Tống) Tả-triều-phụng-đại-phu-thị-ngự- sử Vương Bá Tường ghi. Tỳ-kheo Ngô Thiên khai bảng năm Mậu Ngọ (1198) khắc ghi.